

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1	171575462	Huỳnh Phước	An	K17QCD4	13/02/1992	Quảng Nam	6.3	Sáu phẩy Ba	
2	1826718589	Nguyễn Huỳnh	An	D18DLKB	17/08/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
3	1826217496	Nguyễn Lê Hoài	An	D18QTHB2	11/07/1991	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
4	171216210	Nguyễn Thành	An	K17XCD	14/01/1993	TT Huế	5.5	Năm phẩy Năm	
5	1826217644	Nguyễn Thị Minh	An	D18QTHB4	20/10/1991	Quảng Nam	9	Chín	
6	171576569	Trần Thị Thúy	An	K17PSU-QCD	25/01/1993	Đà Nẵng	9	Chín	
7	1826217581	Trương Nguyễn Diệu	An	D18QTHB5	22/02/1990	Đà Nẵng	6.8	Sáu phẩy Tám	
8	171448711	Trương Thị Hoài	An	K17DCD	21/10/1993	Đà Nẵng	8	Tám	
9	1826247871	Đào Thị Quỳnh	Anh	D18QNHB1	15/10/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
10	1826247758	Đinh Thị Trâm	Anh	D18QNHB1	15/06/1990	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
11	162314520	Hoàng	Anh	K16KKT	03/03/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
12	1826247772	Hoàng Lê Vân	Anh	D18QNHB1	28/10/1991	Thừa Thiên Huế	7	Bảy	
13	1826247866	Hồ Thị	Anh	D18QNHB2	20/06/1988	Quảng Trị	7.8	Bảy phẩy Tám	
14	1826268375	Hồ Thị Ngọc	Anh	D18KDNB	04/02/1990	Quảng Bình	8	Tám	
15	178212948	Lê Đức Tuấn	Anh	T17XDD	31/12/1982	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
16	169221589	Lê Ngọc	Anh	D16XDDB	10/02/1987	Quảng Trị	3.5	Ba phẩy Năm	
17	1826718584	Lê Thị Kim	Anh	D18DLKB	01/11/1988	Quảng Nam	6	Sáu	
18	1826258071	Ngô Quỳnh	Anh	D18KKTB	03/03/1989	Đà Nẵng	6.8	Sáu phẩy Tám	
19	1826257956	Ngô Thị Tâm	Anh	D18KKTB	21/10/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
20	1826268156	Nguyễn Diệu	Anh	D18KDNB	06/09/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
21	1827718605	Nguyễn Nguyên	Anh	D18DLKB	15/11/1991	Quảng Nam	8	Tám	
22	1826257911	Nguyễn Phúc Quỳnh	Anh	D18KKTB	07/09/1989	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
23	142211174	Nguyễn Tuấn	Anh	K14XDD	02/07/1989	Quảng Trị	2	Hai	
24	1827217606	Nguyễn Thế	Anh	D18QTHB1	30/12/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
25	1816217066	Nguyễn Thị Diệu	Anh	C18KCDB	28/03/1992	Đà Nẵng	2	Hai	
26	1826217666	Nguyễn Thị Lan	Anh	D18QTHB3	11/08/1991	Quảng Trị	7.8	Bảy phẩy Tám	
27	1826268444	Nguyễn Thị Lan	Anh	D18KKTB	01/11/1991	Quảng Bình	8	Tám	
28	1826718601	Nguyễn Thị Lan	Anh	D18DLKB	03/03/1991	Nghệ An	7	Bảy	
29	1826268377	Nguyễn Thị Mai	Anh	D18KDNB	10/08/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
30	1826268212	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	D18KDNB	10/07/1991	Quảng Nam	8	Tám	
31	1826258051	Nguyễn Thị Phương	Anh	D18KKTB	03/01/1991	Quảng Bình	7.3	Bảy phẩy Ba	
32	179414793	Phạm Quốc	Anh	D17DLKB	12/09/1990	Đà Nẵng	2	Hai	
33	1826217543	Phạm Thị Kim	Anh	D18QTHB2	27/03/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
34	162717325	Phạm Thị Mỹ	Anh	K16VQH	20/12/1992	Đắk Lắk	7.3	Bảy phẩy Ba	
35	1826268201	Trần Thị Quỳnh	Anh	D18KDNB	07/05/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	1/45

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
36	171213340	Võ Ngọc	Anh	C17XCDB	01/11/1990	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
37	151135131	Võ Thị Tâm	Anh	K15TCD	03/05/1991	Quảng Nam	V	Vắng	
38	1826247859	Lê Thị Ngọc	Ánh	D18QNH3	01/02/1990	Quảng Ngãi	6.5	Sáu phẩy Năm	
39	1826247776	Nguyễn Ngọc	Ánh	D18QNH2	12/12/1990	Quảng Nam	6	Sáu	
40	1826217538	Huỳnh Thị Xuân	Ba	D18QTHB3	01/01/1991	Quảng Nam	8.3	Tám phẩy Ba	
41	171213349	Lê Công	Ba	C17XCDB	02/04/1989	Hà Tĩnh	V	Vắng	
42	1826247798	Nguyễn Thị Thu	Ba	D18QNH2	10/04/1990		8.8	Tám phẩy Tám	
43	1827217691	Đặng Quang	Bảo	D18QTHB4	25/12/1990		7.8	Bảy phẩy Tám	
44	162163159	Ngô Văn	Bảo	K16EVT	25/09/1992	Quảng Nam	6.3	Sáu phẩy Ba	
45	162163158	Nguyễn Minh Thái	Bảo	K16EVT	06/07/1992	Quảng Nam	6.3	Sáu phẩy Ba	
46	171443428	Nguyễn Viết	Bảo	C17DCDB	30/08/1988	Quảng Nam	9	Chín	
47	1827217562	Trần Thái	Bảo	D18QTHB4	07/01/1991	Bình Định	9	Chín	
48	152232813	Trương Hoàng Quốc	Bảo	K15KTR1	10/09/1990	Quảng Nam	V	Vắng	
49	152734518	Võ Xuân	Bảo	K16VQH	22/05/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
50	1827117148	Đặng Văn	Bằng	D18TMTB	10/02/1990	Quảng Nam	8	Tám	
51	162333697	Lê Văn	Bằng	K16QNH2	08/03/1992	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
52	1826268496	Phan Thị	Bé	D18KDNB	30/08/1991	Quảng Trị	7.5	Bảy phẩy Năm	
53	1826268105	Lê Thị Kim	Bích	D18KDNB	13/08/1989	Đà Nẵng	8	Tám	
54	1826268220	Lê Thị Thúy	Bích	D18KDNB	29/05/1991	Quảng Nam	6	Sáu	
55	1826247761	Mai Thị	Bích	D18QNH3	01/05/1991	Huế	V	Vắng	
56	1826268128	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	D18KDNB	08/04/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
57	1826247783	Phan Tôn Nữ Ngọc	Bích	D18QNH2	26/07/1989	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
58	178222998	Đặng Quý	Bình	T17XDC	03/03/1987	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
59	171445020	Đinh Thị Thanh	Bình	K17DCD	12/03/1993	Quảng Nam	V	Vắng	
60	132210154	Hồ Công	Bình	T15XDD	25/06/1978	Đà Nẵng	6	Sáu	
61	1827112032	Hồ Phương	Bình	D18TMT	12/05/1990	Đà Nẵng	V	Vắng	
62	1827112100	Lê Thanh	Bình	D18TMT	01/02/1977	Quảng Nam	8	Tám	
63	1827127284	Lê Việt Thanh	Bình	D18TPMB	05/09/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
64	1826268345	Mai Thị Thanh	Bình	D18KDNB	14/05/1987	Quảng Bình	8	Tám	
65	1827112109	Nguyễn Tấn	Bình	D18TMT	20/02/1987	Quảng Ngãi	5.5	Năm phẩy Năm	
66	1826268111	Nguyễn Thị Thái	Bình	D18KDNB	05/11/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
67	151216089	Nguyễn Văn	Bình	K15XCD	01/07/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
68	178212950	Phạm Phúc	Bình	T17XDD	10/02/1989	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
69	178212951	Lê Tấn	Bốn	T17XDD	25/09/1984	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
70	1827117228	Lâm Viết	Bông	D18TMTB	06/07/1988	Quảng Nam	7	Bảy	2/45

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
71	162113004	Đặng Thành	Công	K16TMT	05/05/1992	Quảng Nam	3	Ba	
72	1827217529	Đình Minh	Công	D18QTHB1	19/02/1989	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
73	151216132	Đoàn Chí	Công	K15XCD	12/01/1990	Quảng Bình	9	Chín	
74	168211986	Nguyễn Chí	Công	T16XDD	14/02/1987	Hà Tĩnh	7.5	Bảy phẩy Năm	
75	171216226	Nguyễn Văn	Công	K17XCD	18/01/1993	Nghệ An	5.5	Năm phẩy Năm	
76	1826247867	Trần Kim	Công	D18QNHBB1	02/07/1990	Đà Nẵng	9	Chín	
77	1826718603	Nguyễn Thị Kim	Cúc	D18DLKB	10/04/1990	Quảng Trị	8	Tám	
78	171216227	Đoàn Tấn	Cường	K17XCD	09/01/1993	Quảng Nam	8	Tám	
79	1827127269	Hồ Huy	Cường	D18TPMB	02/02/1991	Bình Định	5.5	Năm phẩy Năm	
80	178222999	Lưu Văn	Cường	T17XDC	14/03/1986	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
81	1827217478	Nguyễn Hùng	Cường	D18QTHB3	27/11/1990	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
82	1827117199	Nguyễn Hùng	Cường	D18TMTB	06/11/1988	Quảng Trị	5.8	Năm phẩy Tám	
83	1827257984	Nguyễn Quốc	Cường	D18KKTb	20/04/1991	Quảng Bình	7	Bảy	
84	162223363	Phan Thanh	Cường	K16EVT	21/03/1991	Quảng Bình	8	Tám	
85	1827112097	Thái	Cường	D18TMT	01/02/1988	Đà Nẵng	3	Ba	
86	1827268109	Trần Mạnh	Cường	D18KDNB	01/02/1991	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
87	1827217703	Trương Minh	Cường	D18QTHB2	09/09/1990		6	Sáu	
88	178212952	Nguyễn Hữu	Chánh	T17XDD	09/11/1987	Quảng Nam	8	Tám	
89	1826258025	Trần Ngọc Mỹ	Chánh	D18KKTb	04/03/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
90	171155222	Trần Ngọc	Chấn	K17ECD	08/02/1993	Bình Định	2	Hai	
91	179333751	Bùi Minh	Châu	D17QTHB2	22/12/1988	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
92	1826268084	Hoàng Lê Bảo	Châu	D18KDNB	12/07/1990	Đà Nẵng	6	Sáu	
93	1826268246	Huỳnh Thị Minh	Châu	D18KDNB	01/02/1989	Đà Nẵng	6	Sáu	
94	1826718594	Lê Vũ Hoàng Quỳnh	Châu	D18DLKB	11/10/1990	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
95	1826217673	Mai Thị Minh	Châu	D18QTHB5	26/03/1991	Quảng Trị	7.8	Bảy phẩy Tám	
96	1826247869	Nguyễn Hồ Ngọc	Châu	D18QNHBB2	01/05/1988	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
97	1827268258	Nguyễn Mai Văn	Châu	D18KDNB	23/10/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
98	1826268254	Nguyễn Quỳnh	Châu	D18KDNB	14/09/1991	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
99	162256928	Nguyễn Thế	Châu	K16KMT	08/09/1992	Phú Yên	7	Bảy	
100	1826217686	Phạm Lê Thanh	Châu	D18QTHB1	11/01/1991	Quảng Nam	8.3	Tám phẩy Ba	
101	1826217654	Trương Thị Hồng	Châu	D18QTHB4	02/03/1991	Quảng Ngãi	6.3	Sáu phẩy Ba	
102	1826268301	Châu Thị Ngọc	Chi	D18KDNB	27/01/1989	Quảng Nam	7	Bảy	
103	1826268236	Lê Thị Linh	Chi	D18KDNB	05/07/1990	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
104	171685250	Lê Thị Thảo	Chi	K17NCD	24/04/1992	Đà Nẵng	9	Chín	
105	1826258053	Nguyễn Hồ Yến	Chi	D18KKTb	26/12/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	3/45

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
106	1827718608	Nguyễn Bá	Chiến	D18DLKB	28/11/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
107	1826217701	Nguyễn Thị	Chiến	D18QTHB1	11/11/1990	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
108	1826268535	Hồ Thị	Chiến	D18KDNB	08/08/1991	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
109	152212658	Lê Đình	Chinh	K15XDD	19/04/1991	Quảng Bình	6	Sáu	
110	1827217676	Nguyễn Văn	Chính	D18QTHB4	29/04/1991	Quảng Nam	8.3	Tám phẩy Ba	
111	142211191	Nguyễn Tấn	Chuẩn	K14XDD	02/04/1990	Quảng Nam	3.5	Ba phẩy Năm	
112	1826268100	Hoàng Thị Thanh	Chung	D18KDNB	27/01/1988	Quảng Trị	8	Tám	
113	1826247787	Huỳnh Thanh	Chung	D18QNH3	02/09/1991	Đắk Lắk	7	Bảy	
114	1827217510	Lê Xuân	Chung	D18QTHB3	24/04/1988	Thanh Hóa	8.8	Tám phẩy Tám	
115	1826217512	Nguyễn Thị	Chung	D18QTHB4	20/08/1990	Đắk Lắk	8	Tám	
116	1826257906	Nguyễn Thị Th ương	Chung	D18KKTB	22/12/1991	Quảng Bình	8	Tám	
117	162524143	Phạm Đình	Chức	K16QNH2	16/01/1992	Quảng Nam	2.5	Hai phẩy Năm	
118	178212953	Phạm Phong	Chức	T17XDD	03/03/1986	Bình Định	5.8	Năm phẩy Tám	
119	1827117234	Lê Đình Khánh	Chương	D18TMTB	13/02/1982	Hồ Chí Minh	7	Bảy	
120	169112369	Lê Minh	Chương	D16TMTB	07/02/1987	Quảng Nam	V	Văng	
121	171575481	Huỳnh Tấn	Danh	K17QCD5	26/08/1993	Quảng Nam	7	Bảy	
122	1827127301	Lê Công	Danh	D18TPMB	02/06/1990	Dak Lak	5.5	Năm phẩy Năm	
123	132210165	Nguyễn Vũ Thanh	Danh	T13XDD	16/08/1986	Quảng Nam	7	Bảy	
124	1827127298	Phạm Đình	Danh	D18TPMB	25/07/1991	Quảng Nam	6	Sáu	
125	1827217724	Quách Đăng	Danh	D18QTHB5	12/09/1991	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
126	1827117145	Trần Thành	Danh	D18TMTB	27/05/1991	Quảng Ngãi	6.5	Sáu phẩy Năm	
127	1826718576	Đặng Thị	Diễm	D18DLKB	30/11/1990	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
128	1826217721	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	D18QTHB4	17/11/1991	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
129	1826268182	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	D18KDNB	14/11/1991	Bình Định	6.5	Sáu phẩy Năm	
130	161327218	Phạm Thị	Diễm	K16KCD	15/08/1991	Quảng Nam	3	Ba	
131	1826217505	Trần Thị Bích	Diễm	D18QTHB3	11/10/1991	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
132	171575484	Trần Xuân	Diễm	K17QCD2	13/02/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
133	171219013	Từ Đạo	Diễn	K17XCD	15/10/1993	Hà Tĩnh	9	Chín	
134	1826217540	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	D18QTHB1	13/01/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
135	1826718591	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	D18DLKB	18/04/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
136	1826217586	Trần Thị Ngọc	Diệp	D18QTHB5	03/10/1991	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
137	1826268248	Dương Thị	Diệu	D18KDNB	10/10/1989	Thanh Hóa	7	Bảy	
138	1826247890	Hồ Thị Xuân	Diệu	D18QNH3	06/12/1991		6.5	Sáu phẩy Năm	
139	1826268360	Vô Minh	Diệu	D18KDNB	09/09/1991	Quảng Ngãi	8	Tám	
140	1826217629	Đào Lan	Dung	D18QTHB4	28/08/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	4/45

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
141	162716854	Đinh Thị Dung	K16VQH	21/05/1992	Đăk Lăk	6.5	Sáu phẩy Năm	
142	1826257915	Đinh Thị Thảo Dung	D18KKTB	20/04/1991	Quảng Bình	8	Tám	
143	1826268142	Lê Dung	D18KDNB	23/10/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
144	162257351	Lê Thị Phương Dung	K16KMT	25/09/1992	Kon Tum	7.5	Bảy phẩy Năm	
145	1826257910	Lý Mỹ Dung	D18KKTB	11/02/1990	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
146	1826247855	Nguyễn Thị Phương Dung	D18QNH3	05/03/1991	Gia Lai	8.5	Tám phẩy Năm	
147	1826257963	Nguyễn Thị Tuyết Dung	D18KKTB	08/10/1991	Quảng Nam	8	Tám	
148	179523786	Nguyễn Thị Thanh Dung	D17QNH1	19/05/1990	Đà Nẵng	3	Ba	
149	1826268485	Nguyễn Thị Thu Dung	D18KDNB	20/10/1990	Quảng Bình	8	Tám	
150	179323912	Nguyễn Thị Thùy Dung	D18KDNB	07/11/1989	Đồng Nai	6.5	Sáu phẩy Năm	
151	1827268436	Nguyễn Trung Dung	D18KDNB	05/12/1989	Quảng Trị	8	Tám	
152	1826268195	Phạm Phương Dung	D18KDNB	11/11/1991	Gia Lai	8	Tám	
153	1826217537	Trần Thị Ly Dung	D18QTHB1	01/01/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
154	1826268405	Vy Thị Thùy Dung	D18KDNB	20/10/1990	Quảng Ngãi	8.5	Tám phẩy Năm	
155	161216789	Đặng Quốc Dũng	K16XCD	23/07/1992	Quảng Trị	3	Ba	
156	178212955	Hồ Văn Dũng	T17XDD	05/12/1987	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
157	171135773	Lê Anh Dũng	K17TCD	29/03/1993	Thanh Hóa	9	Chín	
158	1827112105	Lê Đức Dũng	D18TMT	21/07/1985	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
159	1827268226	Trần Dũng	D18KDNB	28/10/1989	Quảng Bình	6	Sáu	
160	161215108	Ngô Hoàng Duy	K16XCD	11/09/1992	Phú Yên	3	Ba	
161	171575495	Nguyễn Ngọc Duy	K17QCD1	15/06/1993	Đăk Lăk	5.5	Năm phẩy Năm	
162	1827217678	Trần Ngọc Duy	D18QTHB5	03/04/1987	Quảng Bình	5.8	Năm phẩy Tám	
163	1827117181	Vô Nhất Duy	D18TMTB	31/10/1991	Quảng Ngãi	5.5	Năm phẩy Năm	
164	1826268454	Đinh Nguyễn Thanh Duyên	D18KDNB	21/06/1990	Đà Nẵng	7	Bảy	
165	1826268401	Lê Thị Duyên	D18KDNB	15/01/1991	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
166	1826268562	Nguyễn Thị Duyên	D18KDNB	13/09/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
167	171445031	Hồ Việt Dương	K17DCD	01/07/1993	Quảng Nam	9	Chín	
168	1827117153	Nguyễn Tiến Dương	D18TMTB	30/10/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
169	171136394	Nguyễn Thị Dương	K17CMU-TCD	06/03/1993	Gia Lai	7	Bảy	
170	1826257960	Thái Thị Thùy Dương	D18KKTB	01/09/1990	Quảng Trị	8	Tám	
171	1826268240	Trần Thị Ánh Dương	D18KDNB	28/08/1991	Bình Định	7.5	Bảy phẩy Năm	
172	1826268411	Trương Thị Hoàng Dương	D18KDNB	10/11/1990	Đà Nẵng	7	Bảy	
173	1826257908	Vô Vũ Thùy Dương	D18KKTB	24/07/1990	Quảng Nam	7	Bảy	
174	1827217515	Vũ Đại Dương	D18QTHB5	01/02/1990	Đăk Lăk	7.3	Bảy phẩy Ba	
175	1827112050	Nguyễn Văn Dương	D18TMT	20/08/1991	Quảng Nam	V	Vắng	5/45

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
176	1826268148	Nguyễn Thị Đa	D18KDNB	01/01/1991	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
177	1827217657	Đoàn Văn Đào	D18QTHB3	05/09/1989	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
178	1826268140	Hoàng Thị Đào	D18KDNB	07/03/1991	Quảng Bình	8	Tám	
179	1826268362	Lê Thị Đào	D18KDNB	13/09/1991	Quảng Bình	8	Tám	
180	1826268261	Lê Thị Hồng Đào	D18KDNB	12/02/1991	Quảng Bình	8	Tám	
181	1826268192	Nguyễn Thị Anh Đào	D18KDNB	06/04/1991	Quảng Bình	8	Tám	
182	1826268161	Võ Thị Anh Đào	D18KDNB	17/05/1990	Đà Nẵng	7	Bảy	
183	152222758	Lê Quang Đạo	K15XDC	25/10/1991	Quảng Trị	7.5	Bảy phẩy Năm	
184	171216235	Phan Công Đạt	K17XCD	10/01/1993	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
185	142211197	Bùi Quốc Đạt	K14XDD	10/06/1990	Quảng Nam	7	Bảy	
186	162163161	Đặng Bảo Đạt	K16EVT	05/06/1992	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
187	152136198	Đoàn Nguyên Đạt	K16EVT	07/01/1991	Quảng Nam	6	Sáu	
188	1827112065	Nguyễn Thành Đạt	D18TMT	07/02/1989	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
189	162256877	Nguyễn Trần Đạt	K16KMT	28/09/1992	Quảng Nam	5.8	Năm phẩy Tám	
190	1827117184	Phạm Văn Đạt	D18TMTB	02/11/1990	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
191	1827112034	Văn Quý Đạt	D18TMT	18/02/1989	Quảng Nam	2.5	Hai phẩy Năm	
192	1827112059	Nguyễn Thanh Điền	D18TMT	07/09/1988	Quảng Ngãi	2.5	Hai phẩy Năm	
193	152132565	Hoàng Xuân Diệp	K16EVT	12/04/1991	Tuyên Quang	7	Bảy	
194	1827127288	Mai Phước Trường Định	D18TPMB	27/01/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
195	162735068	Nguyễn Viết Định	K16VQH	26/04/1992	Đà Nẵng	7	Bảy	
196	162256771	Nguyễn Đức Độ	K16KMT	10/12/1992	Bình Định	7.5	Bảy phẩy Năm	
197	171195423	Dương Tấn Đông	K17ACD	16/10/1992	Đà Nẵng	7	Bảy	
198	1827112101	Huỳnh Nguyễn Đông	D18TMT	15/11/1988	Quảng Nam	3.5	Ba phẩy Năm	
199	168111952	Phạm Xuân Đông	T16TMT	13/01/1984	Quảng Ngãi	V	Vắng	
200	1827268186	Đặng Đức Đồng	D18KDNB	12/02/1991	Quảng Bình	8	Tám	
201	152212638	Trần Huỳnh Đúng	K15XDD	16/06/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
202	171216241	Bùi Anh Đức	K17XCD	01/06/1993	Quảng Nam	7	Bảy	
203	1827127323	Lâm Đức	D18TPMB	04/11/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
204	171135771	Lê Thị Oanh Đức	K17TCD	09/01/1993	Đà Nẵng	0	Không	
205	1827217516	Lê Trọng Đức	D18QTHB3	16/08/1991	Thanh Hóa	7.8	Bảy phẩy Tám	
206	1827258057	Mai Văn Đức	D18KKTB	15/05/1989	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
207	162163165	Ngô Phi	Đức	K16EVT	19/01/1992	Quảng Nam	6	Sáu	
208	1827257941	Nguyễn Anh	Đức	D18KKTB	10/10/1990	Gia Lai	7.3	Bảy phẩy Ba	
209	162524157	Nguyễn Danh	Đức	K16QNH2	22/11/1991	Hà Tĩnh	5.5	Năm phẩy Năm	
210	1827268332	Nguyễn Đình	Đức	D18KDNB	03/03/1990	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
211	168212737	Nguyễn Văn	Đức	T16XDDB	19/03/1986	Đà Nẵng	2.5	Hai phẩy Năm	
212	1827127287	Phan Công	Đức	D18TPMB	29/04/1990	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
213	1827112079	Phan Hữu	Đức	D18TMT	13/06/1984	Đà Nẵng	6	Sáu	
214	1827247800	Phạm Tấn	Được	D18QNH1	22/10/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
215	1827217622	Nguyễn Hoàng	Gôn	D18QTHB5	04/09/1988	Quảng Nam	DC	Đình chỉ	
216	1826268558	Bùi Th ị Linh	Giang	D18KDNB	21/12/1990	Quảng Bình	8	Tám	
217	1826268104	Đoàn Ngọc	Giang	D18KDNB	23/10/1991	Quảng Bình	8	Tám	
218	1826268339	Hoàng Thị Thu	Giang	D18KDNB	28/03/1989	Đà Nẵng	7	Bảy	
219	1826247769	Huỳnh Thị Ngân	Giang	D18QNH2	31/05/1991		9	Chín	
220	162257352	Lê Khắc Hà	Giang	K16KMT	16/10/1992	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
221	1826217720	Lê Thị Hà	Giang	D18QTHB4	01/08/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
222	1826217469	Lương Quỳnh	Giang	D18QTHB5	04/10/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
223	1826268404	Lý Hoàng	Giang	D18KDNB	11/05/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
224	1826268187	Ngô Thị Linh	Giang	D18KDNB	07/11/1991	Quảng Nam	8	Tám	
225	162715065	Nguyễn Thị	Giang	K16VQH	22/12/1992	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
226	1826268171	Phạm Thị Hồng	Giang	D18KDNB	03/08/1991	Quảng Bình	7	Bảy	
227	168222076	Trần Nhật	Giang	T16XDC	21/03/1983	Kon Tum	5.5	Năm phẩy Năm	
228	1826217500	Nguyễn Thị	Giảng	D18QTHB1	15/02/1991	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
229	1827217579	Phạm Minh	Giảng	D18QTHB4	03/09/1991	Nam Định	7.3	Bảy phẩy Ba	
230	1826268388	Đặng Thị Phương	Hà	D18KDNB	17/11/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
231	178223002	Đinh Mạnh	Hà	T17XDC	20/09/1987	Quảng Bình	DC	Đình chỉ	
232	162314555	Đoàn Thị Thu	Hà	K16KKT	15/02/1992	Quảng Trị	6.5	Sáu phẩy Năm	
233	1826268489	Đỗ Thị Thu	Hà	D18KDNB	02/06/1987	Quảng Bình	8	Tám	
234	1826268574	Hoàng Thị	Hà	D18KDNB	07/10/1991	Quảng Bình	8	Tám	
235	1826258056	Hồ Thị Ngọc	Hà	D18KKTB	15/02/1986	Quảng Nam	8	Tám	
236	1816217035	Huỳnh Như	Hà	C18KCDB	02/05/1992	Đồng Nai	7	Bảy	
237	1827117168	Lê Quang	Hà	D18TMTB	02/12/1991	Quảng Nam	5.8	Năm phẩy Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
238	1826247792	Lưu Thị Thu	Hà	D18QNHBB3	07/09/1991	Thanh Hóa	8	Tám	
239	1826268366	Ngô Ngân	Hà	D18KDNB	20/04/1990	Huế	7.5	Bảy phẩy Năm	
240	1826127282	Nguyễn Thị	Hà	D18TPMB	11/09/1989	Quảng Nam	7	Bảy	
241	171445035	Nguyễn Thị Thanh	Hà	K17DCD	30/10/1993	Quảng Trị	8	Tám	
242	1826268376	Nguyễn Thị Thu	Hà	D18KDNB	20/09/1991	Quảng Trị	7	Bảy	
243	1826268219	Nguyễn Thị Thu	Hà	D18KDNB	25/06/1988	Đà Nẵng	7	Bảy	
244	162737113	Nguyễn Thị Thu	Hà	K16VQH	11/06/1992	Quảng Bình	7.3	Bảy phẩy Ba	
245	162257498	Nguyễn Thị Thu	Hà	K16KMT	10/02/1992	Quảng Bình	8.5	Tám phẩy Năm	
246	1826268323	Phạm Thị Ngọc	Hà	D18KDNB	03/06/1987	Huế	8	Tám	
247	1826268469	Phan Ngọc	Hà	D18KDNB	10/12/1988	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
248	1826257905	Phan Nguyễn Nhật	Hà	D18KDNB	26/07/1991	Quảng Nam	8	Tám	
249	1826268120	Trần Thị Khánh	Hà	D18KDNB	14/04/1991	Quảng Trị	7.5	Bảy phẩy Năm	
250	1827127274	Trần Trương Thiên	Hà	D18TPMB	22/07/1991	Kon Tum	7.3	Bảy phẩy Ba	
251	1827127255	Đinh Hoàng	Hải	D18TMTB	05/08/1991	Bình Định	7	Bảy	
252	1827117146	Hà Xuân	Hải	D18TMTB	13/04/1990	Dak Lak	5.5	Năm phẩy Năm	
253	161217067	Hoàng Minh	Hải	K17XCD	28/01/1992	Quảng Bình	7	Bảy	
254	1827268217	Hồ Hoàng	Hải	D18KDNB	16/07/1984	Đà Nẵng	8	Tám	
255	1826268537	Huỳnh Thị Thu	Hải	D18KDNB	18/02/1990	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
256	1827247847	Lê Ngọc	Hải	D18QNHBB1	07/09/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
257	1827217522	Lê Phúc	Hải	D18QTHB3	22/07/1991	Quảng Trị	9	Chín	
258	1826268441	Lê Thị	Hải	D18KDNB	17/08/1989	Quảng Trị	5.5	Năm phẩy Năm	
259	162167636	Lưu Văn	Hải	K16EVT	28/06/1990	Nam Định	6	Sáu	
260	1827127276	Mai Kiều Ngọc	Hải	D18TPMB	22/12/1991	Dak Lak	7.3	Bảy phẩy Ba	
261	1827117201	Nguyễn Sơn	Hải	D18TMTB	15/08/1991	Quảng Trị	7.5	Bảy phẩy Năm	
262	1826268555	Nguyễn Thị Hồng	Hải	D18KDNB	05/05/1991	Kon Tum	8.5	Tám phẩy Năm	
263	1827268437	Trần Đại	Hải	D18KDNB	07/12/1991	Kiên Giang	6	Sáu	
264	168222079	Bùi Hữu Nhất	Hạnh	T16XDC	04/03/1984	Quảng Nam	3.5	Ba phẩy Năm	
265	178322641	Đinh Tiến	Hạnh	T17KDN	15/09/1983	Đà Nẵng	7	Bảy	
266	1826217461	Lê Kiều	Hạnh	D18QTHB1	02/09/1990	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
267	1826247846	Lê Mỹ	Hạnh	D18QNHBB2	10/09/1991	Đăk Lăk	8.5	Tám phẩy Năm	
268	1826257919	Lê Thị	Hạnh	D18KKTB	11/11/1991	Quảng Nam	7	Bảy	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
269	1826268136	Lê Trần Bích	Hạnh	D18KDNB	08/11/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
270	1826268255	Nguyễn Hồng	Hạnh	D18KDNB	02/06/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
271	1826217618	Nguyễn Thị	Hạnh	D18QTHB3	07/03/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
272	1826268278	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	D18KKTb	18/04/1989	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
273	1826268087	Nguyễn Thị Kim	Hạnh	D18KDNB	07/10/1990	Quảng Ngãi	7.8	Bảy phẩy Tám	
274	178223003	Nguyễn Văn	Hạnh	T17XDC	01/04/1982	Quảng Trị	6.5	Sáu phẩy Năm	
275	1826258070	Phạm Thái Hữu	Hạnh	D18KKTb	16/11/1991	Phú Yên	8	Tám	
276	1826268385	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	D18KDNB	06/11/1990	Quảng Nam	8	Tám	
277	1826268512	Thái Thị	Hạnh	D18KDNB	10/11/1991	Quảng Nam	8	Tám	
278	1826217555	Bùi Thu	Hằng	D18QTHB4	09/01/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
279	1826217546	Cao Thị	Hằng	D18QTHB2	11/01/1991	Huế	6.5	Sáu phẩy Năm	
280	1826257965	Doãn Thị	Hằng	D18KKTb	10/06/1991	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
281	1826217477	Lê Thái Thanh	Hằng	D18QTHB1	22/10/1991	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
282	1826127293	Nguyễn Lệ	Hằng	D18TPMB	04/10/1991	Quảng Bình	6.8	Sáu phẩy Tám	
283	1826268430	Nguyễn Thị Minh	Hằng	D18KDNB	01/03/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
284	162715066	Nguyễn Thị Thu	Hằng	K16VQH	02/07/1991	Quảng Nam	6	Sáu	
285	1826257961	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	D18KKTb	11/09/1990	Bình Định	8	Tám	
286	1826247826	Phạm Thị Nguyệt	Hằng	D18QNHB3	26/02/1991	Gia Lai	5.5	Năm phẩy Năm	
287	1826268331	Phạm Thị Thu	Hằng	D18KDNB	06/08/1988	Đà Nẵng	8	Tám	
288	1826217675	Phan Thị	Hằng	D18QTHB4	07/08/1991	Phú Yên	8.3	Tám phẩy Ba	
289	1826268190	Trần Thị Minh	Hằng	D18KDNB	25/09/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
290	1826268356	Trần Thị Thu	Hằng	D18KDNB	06/01/1991	Nam Định	9	Chín	
291	1826247773	Trần Thu	Hằng	D18QNHB3	20/10/1990	Quảng Nam	6	Sáu	
292	161325317	Võ Thị Thúy	Hằng	K16VQH	28/11/1991	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
293	1826268292	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	D18KDNB	01/01/1990	Quảng Nam	8	Tám	
294	1826268222	Phùng Thị Bích	Hân	D18KDNB	26/05/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
295	1826247782	Huỳnh Thị	Hiền	D18QNHB3	21/05/1991	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
296	1826217633	La Thị Thu	Hiền	D18QTHB1	07/10/1989	Quảng Nam	8	Tám	
297	1826247740	Lê Thị Bé	Hiền	D18QNHB1	20/02/1991	Quảng Nam	8	Tám	
298	161327069	Lê Thị Thu	Hiền	K16KCD	17/05/1992	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
299	1826217663	Lê Thu	Hiền	D18QTHB2	27/01/1991	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
300	1826268159	Mai Thị Thu	Hiền	D18KDNB	06/12/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
301	1826268227	Nguyễn Hà Minh	Hiền	D18KDNB	28/03/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
302	1827217599	Nguyễn Quang	Hiền	D18QTHB3	23/06/1989	Quảng Ngãi	8	Tám	
303	1826268344	Nguyễn Thanh	Hiền	D18KDNB	12/08/1991	Hà Tĩnh	7	Bảy	
304	1826268080	Nguyễn Thị Thu	Hiền	D18KDNB	01/09/1990	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
305	1826268564	Nguyễn Thị Thu	Hiền	D18KDNB	05/04/1991	Quảng Bình	8	Tám	
306	179414805	Từ Thị Diệu	Hiền	D17DLKB	03/12/1988	Daklak	6.5	Sáu phẩy Năm	
307	1827247736	Trần Thanh	Hiền	D18QNHB2	08/09/1990	Đà Nẵng	4	Bốn	
308	1826258033	Võ Thị	Hiền	D18KKTB	17/02/1991	Quảng Trị	7.5	Bảy phẩy Năm	
309	1827268507	Lương Thanh	Hiền	D18KDNB	20/10/1990	Đà Nẵng	7	Bảy	
310	1827247795	Nguyễn Quang	Hiền	D18QNHB1	17/02/1990	Khánh Hòa	7.3	Bảy phẩy Ba	
311	168211999	Nguyễn Văn	Hiền	T16XDD	20/08/1986	Quảng Nam	7	Bảy	
312	1826217648	Đặng Thị Ngọc	Hiệp	D18QTHB4	16/09/1990	Quảng Nam	6	Sáu	
313	1826718623	Huỳnh Thị	Hiệp	D18DLKB	19/06/1990	Bình Định	6.3	Sáu phẩy Ba	
314	1826217484	Huỳnh Thị Thu	Hiệp	D18QTHB5	06/11/1989	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
315	1826268094	Tổng Thị Minh	Hiệp	D18KDNB	22/06/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
316	1827217530	Trần Hoàng	Hiệp	D18QTHB4	21/04/1990	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
317	1826247882	Văn Thị Mỹ	Hiệp	D18QNHB2	10/09/1991	Bình Định	8.5	Tám phẩy Năm	
318	132326092	Võ Ngọc	Hiệp	K13KDN	12/01/1989	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
319	1827117187	Bùi Long	Hiếu	D18TMTB	01/02/1991	Bình Định	7	Bảy	
320	171446681	Châu Việt	Hiếu	K17PSU-DCD	25/12/1993	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
321	1827268498	Hồ Lê Thanh	Hiếu	D18KDNB	20/12/1989	Quảng Trị	8	Tám	
322	132224721	Hồ Ngọc	Hiếu	K14XDC	21/09/1989	Đà Nẵng	6	Sáu	
323	1827127321	Hồ Trung	Hiếu	D18TPMB	21/03/1990	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
324	1826217662	Lê Thị	Hiếu	D18QTHB5	02/06/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
325	1827718597	Nguyễn Duy	Hiếu	D18DLKB	28/10/1990	Quảng Nam	7	Bảy	
326	1827217521	Nguyễn Đăng	Hiếu	D18QTHB3	16/11/1989	Quảng Trị	8	Tám	
327	1827217592	Nguyễn Hữu	Hiếu	D18QTHB4	18/04/1989	Nghệ An	7.3	Bảy phẩy Ba	
328	1827217712	Nguyễn Minh	Hiếu	D18QTHB5	20/05/1989		8	Tám	
329	168212000	Nguyễn Ngọc	Hiếu	T16XDD	27/03/1985	Quảng Nam	V	Vắng	
330	152212667	Phạm Ngọc	Hiếu	K15XDD	02/01/1991	Đaklak	2	Hai	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
331	171133396	Phạm Thanh	Hiếu	C17TCDB	20/08/1991	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
332	1826217560	Phạm Thị Thanh	Hiếu	D18QTHB2	15/04/1990	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
333	1827257976	Vô Minh	Hiếu	D18KKTB	18/12/1988	Đà Nẵng	7	Bảy	
334	1826268169	Huỳnh Thị Thanh	Hoa	D18KDNB	01/01/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
335	1826268499	Lương Thị Bích	Hoa	D18KDNB	25/07/1990	Đắk Lắk	8	Tám	
336	1826718607	Nguyễn Thị Kim	Hoa	D18DLKB	15/12/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
337	1826217554	Trần Thị Như	Hoa	D18QTHB5	03/02/1982	Đà Nẵng	8	Tám	
338	1826217619	Vũ Hồng	Hoa	D18QTHB2	01/01/1991	Đắk Lắk	8	Tám	
339	161446098	Phan Thị Thanh	Hoà	K16DCD	15/12/1992	Đà Nẵng	V	Văng	
340	1826247815	Huỳnh Lý Mộng	Hòa	D18QNHBB3	14/07/1991	Gia Lai	8.5	Tám phẩy Năm	
341	1826268275	Lê Thị Khánh	Hòa	D18KDNB	15/12/1991	Quảng Nam	9	Chín	
342	1817117111	Ngô Ngọc	Hòa	C18TCDB	18/08/1992	Đà Nẵng	8	Tám	
343	152212620	Nguyễn Văn	Hòa	K15XDD	23/02/1991	Quảng Nam	6	Sáu	
344	179323903	Vô Đình	Hòa	D18KDNB	26/04/1990	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
345	1827268205	Vương Thiện	Hòa	D18KDNB	20/07/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
346	1827217548	Trần Văn	Hóa	D18QTHB3	30/10/1991	Thanh Hóa	8.3	Tám phẩy Ba	
347	1826217531	Quảng Thị Thúy	Hoài	D18QTHB2	30/11/1991	Quảng Nam	8	Tám	
348	1826268268	Thái Thị Thu	Hoài	D18KDNB	24/11/1990	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
349	1827112058	Lê Văn	Hoàn	D18TMT	07/01/1991	Quảng Trị	V	Văng	
350	168222776	Nguyễn Đình	Hoàn	T16XDCB	02/02/1985	Tt Huế	7.5	Bảy phẩy Năm	
351	152212615	Phan Phụng	Hoàn	K15XDD	10/08/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
352	1827117164	Phan Trần	Hoàn	D18TMTB	11/06/1991	Quảng Trị	6	Sáu	
353	178212959	Đỗ Quốc	Hoàng	T17XDD	29/03/1989	Bắc Giang	8	Tám	
354	161215120	Lê Ngọc	Hoàng	K16XCD	20/01/1992	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
355	1827247790	Lê Văn	Hoàng	D18QNHBB3	20/06/1990	Hà Tĩnh	5.8	Năm phẩy Tám	
356	1827217471	Lê Xuân	Hoàng	D18QTHB5	24/05/1991	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
357	1827117172	Nguyễn Đăng	Hoàng	D18TMTB	01/05/1990	Quảng Bình	6	Sáu	
358	1827247891	Nguyễn Huy	Hoàng	D18QNHBB2	08/10/1991	Hà Tĩnh	5.5	Năm phẩy Năm	
359	1826268299	Nguyễn Hữu Hồng	Hoàng	D18KDNB	10/10/1987	Thừa Thiên Huế	7.5	Bảy phẩy Năm	
360	1827257940	Nguyễn Trường	Hoàng	D18KKTB	02/04/1988	Quảng Nam	6.3	Sáu phẩy Ba	
361	178223005	Phạm Tiến	Hoàng	T17XDC	02/09/1984	Hà Tĩnh	7	Bảy	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
362	1827127254	Phan Minh	Hoàng	D18TPMB	16/06/1990	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
363	152714465	Phan Thanh	Hoàng	K16VQH	10/11/1991	Phú Yên	5.5	Năm phẩy Năm	
364	152232851	Trần Minh	Hoàng	K15KTR4	11/11/1988	Đà Nẵng	V	Vắng	
365	152212665	Võ Đình	Hoàng	K15XDD	20/08/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
366	1826258032	Hoàng Thị	Hồng	D18KKTB	15/06/1990	Huế	6.8	Sáu phẩy Tám	
367	1826257957	Lê Thị Ánh	Hồng	D18KKTB	04/05/1988	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
368	179122117	Nguyễn Tấn	Hồng	D17TPM	19/11/1989	Bình Định	6.5	Sáu phẩy Năm	
369	1826718629	Phạm Bích	Hồng	D18DLKB	07/04/1989	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
370	1826217670	Phạm Thị Xuân	Hồng	D18QTHB1	21/10/1991	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
371	1826268413	Phan Thị Xuân	Hồng	D18KDNB	25/06/1991	Bình Định	8	Tám	
372	1826268556	Đỗ Thị	Huế	D18KDNB	01/01/1991	Nam Định	7.8	Bảy phẩy Tám	
373	1826268265	Võ Thị	Huế	D18KDNB	20/04/1990	Thừa Thiên Huế	8	Tám	
374	1826268352	Hoàng Thị	Huế	D18KDNB	15/05/1988	Quảng Bình	6	Sáu	
375	1826268092	Nguyễn Thị Thanh	Huế	D18KDNB	21/10/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
376	1826268463	Trần Thị	Huế	D18KDNB	01/01/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
377	178212961	Đỗ Tiến	Hùng	T17XDD	31/12/1985	Quảng Nam	6.8	Sáu phẩy Tám	
378	132214463	Hà Xuân	Hùng	K14XDD	26/02/1986	Quảng Bình	3.5	Ba phẩy Năm	
379	169222492	Lê Ngọc	Hùng	D16XDCB	20/01/1987	Quảng Bình	3.5	Ba phẩy Năm	
380	1827127246	Nguyễn Minh	Hùng	D18TMTB	03/02/1991	Gia Lai	5.8	Năm phẩy Tám	
381	171136403	Nguyễn Thanh	Hùng	K17CMU-TCD	01/12/1992	Quảng Trị	6.3	Sáu phẩy Ba	
382	162113009	Nguyễn Xuân	Hùng	K16TMT	23/02/1992	Quảng Bình	V	Vắng	
383	1827217460	Trần Phạm Phi	Hùng	D18QTHB1	03/03/1990	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
384	151215638	Trần Thế	Hùng	K15XCD	24/08/1990	Quảng Trị	5.5	Năm phẩy Năm	
385	152222780	Đình Quốc	Huy	K15XDC	08/01/1991	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
386	161135923	Hoàng Minh	Huy	K16TCD	31/01/1992	Đà Nẵng	4	Bốn	
387	162133101	Hoàng Thế	Huy	K16EVT	04/12/1992	Đà Nẵng	6.3	Sáu phẩy Ba	
388	1827718577	Hồ Hoàng	Huy	D18DLKB	02/08/1984	Bình Định	8	Tám	
389	162163169	Lê Xuân	Huy	K16EVT	03/05/1992	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
390	1827127314	Lương Quốc	Huy	D18TPMB	12/11/1991	Dak Lak	5.5	Năm phẩy Năm	
391	1827217518	Mai An	Huy	D18QTHB1	15/08/1990	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
392	162524217	Mai Lê	Huy	K16QNH4	19/05/1991	Quảng Nam	7	Bảy	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
393	152233038	Nguyễn Đình	Huy	K15KTR4	27/06/1988	Gia Lai	7	Bảy	
394	1827127317	Nguyễn Đức	Huy	D18TPMB	08/03/1989	Quảng Trị	6	Sáu	
395	1827247830	Nguyễn Tấn	Huy	D18QNHBB3	02/06/1989	Đắk Lắk	4	Bốn	
396	168212746	Trần Kim	Huy	T16XDDB	12/09/1986	Quảng Nam	DC	Đình chỉ	
397	1827112041	Trần Quang	Huy	D18TMT	29/09/1988	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
398	171575532	Trần Quang	Huy	K17QCD4	03/10/1993	Quảng Nam	6	Sáu	
399	1826217641	Hoàng Vũ Thanh	Huyền	D18QTHB4	07/10/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
400	1826247818	Lê Thị Ngọc	Huyền	D18QNHBB2	16/03/1991		8.5	Tám phẩy Năm	
401	1826268231	Mai Thị Ngọc	Huyền	D18KDNB	20/02/1991	Quảng Nam	8	Tám	
402	1826247856	Mai Thu	Huyền	D18QNHBB3	07/01/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
403	1826247807	Ngô Thị	Huyền	D18QNHBB1	23/11/1990	Đắk Lắk	8	Tám	
404	171446685	Nguyễn Thị Ái	Huyền	K17PSU-QCD	10/12/1993	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
405	1826257969	Nguyễn Thị Mộng	Huyền	D18KKTBB	04/12/1989	Quảng Ngãi	7	Bảy	
406	1826268113	Lê Thị Như	Huỳnh	D18KDNB	10/02/1991	Quảng Nam	8	Tám	
407	1827268243	Bùi Minh	Hưng	D18KDNB	01/11/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
408	171155221	Hồ Nguyên	Hưng	K17ECD	24/09/1993	Bình Định	8	Tám	
409	179123036	Lê Mai	Hưng	D17TPM	23/04/1990	Quảng Nam	V	Vắng	
410	161325368	Lê Tự	Hưng	K16KMT	16/09/1992	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
411	1826217708	Lê Thị Minh	Hưng	D18QTHBB2	28/03/1991	Khánh Hòa	8	Tám	
412	1827217493	Nguyễn Hải	Hưng	D18QTHBB4	04/06/1991	Quảng Ngãi	7.8	Bảy phẩy Tám	
413	1827117217	Nguyễn Ngọc	Hưng	D18TMTBB	02/09/1990	Đà Nẵng	2.5	Hai phẩy Năm	
414	132214470	Nguyễn Quốc	Hưng	K14XDD	12/08/1987	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
415	1826268204	Nguyễn Thị	Hưng	D18KDNB	20/11/1992	Đà Nẵng	9	Chín	
416	1827217660	Trần Đoàn Thái	Hưng	D18QTHBB4	01/02/1990	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
417	162163168	Trần Kiêm	Hưng	K16EVT	02/05/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
418	1827217602	Văn Bá	Hưng	D18QTHBB5	23/09/1990	Đà Nẵng	6.3	Sáu phẩy Ba	
419	1826127286	Đỗ Thị Thùy	Hương	D18TPMB	18/07/1983	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
420	1826268553	Lê Thị	Hương	D18KKTBB	10/09/1988	Gia Lai	8.3	Tám phẩy Ba	
421	1826268218	Lê Thị	Hương	D18KDNB	16/01/1991	Thanh Hóa	7.5	Bảy phẩy Năm	
422	1826217556	Lê Thị Huỳnh	Hương	D18QTHBB1	01/09/1990	Quảng Nam	8.8	Tám phẩy Tám	
423	1826268536	Lê Thị Mỹ	Hương	D18KDNB	17/12/1990	Đà Nẵng	8	Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
424	1826268118	Lê Thị Thanh	Hương	D18KDNB	27/05/1991	Huế	7	Bảy	
425	1826268294	Lương Thị Lan	Hương	D18KDNB	20/09/1990	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
426	1826268461	Lưu Hồ Mai	Hương	D18KDNB	03/11/1991	Quảng Bình	8	Tám	
427	1826268552	Nguyễn Thị	Hương	D18KDNB	22/06/1991	Quảng Bình	6.5	Sáu phẩy Năm	
428	1826217718	Nguyễn Thị Diệu	Hương	D18QTHB4	13/06/1989	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
429	152734522	Nguyễn Thị Liên	Hương	K16VQH	20/02/1991	Quảng Trị	7.3	Bảy phẩy Ba	
430	1826718631	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	D18DLKB	15/08/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
431	171575529	Nguyễn Thị Thanh	Hương	K17QCD2	10/09/1992	Hải Dương	6.5	Sáu phẩy Năm	
432	1826268151	Nguyễn Thị Thanh	Hương	D18KDNB	09/10/1990	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
433	1826268119	Phan Thị Thanh	Hương	D18KDNB	09/08/1990	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
434	1826268434	Trần Diệu	Hương	D18KDNB	18/01/1991	Quảng Bình	8	Tám	
435	1826268426	Trần Thị Xuân	Hương	D18KDNB	08/02/1989	Quảng Nam	9	Chín	
436	1826268091	Lê Thị	Hường	D18KDNB	20/03/1990	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
437	162735070	Lê Thị Thu	Hường	K16VQH	31/10/1988	Quảng Ngãi	6.5	Sáu phẩy Năm	
438	1826247837	Mai Thị Thu	Hường	D18QNHB3	13/06/1990	Đà Nẵng	6	Sáu	
439	1826268458	Nguyễn Thị Bích	Hường	D18KDNB	30/05/1991	Nghệ An	8	Tám	
440	1826268153	Thái Th ị Thu	Hường	D18KDNB	30/04/1990	Quảng Trị	7.8	Bảy phẩy Tám	
441	171216271	Phạm Văn	Hương	K17XCD	02/05/1993	Thanh Hóa	4	Bốn	
442	1827247760	Võ Ngọc	Kế	D18QNHB1	28/11/1988	Quảng Nam	8	Tám	
443	1826718579	Võ Thị Liên	Kết	D18DLKB	06/04/1991	Quảng Ngãi	8	Tám	
444	168212748	Nguyễn Trung	Kiên	T16XDDB	26/01/1982	Đà Nẵng	0	Không	
445	168222088	Nguyễn Trung	Kiên	T16XDC	10/12/1984	Quảng Nam	V	Vắng	
446	178212966	Trần Trung	Kiên	T17XDD	25/05/1987	Hà Tĩnh	2	Hai	
447	162735072	Lư Tuấn	Kiệt	K16VQH	02/02/1992	Bình Định	6.5	Sáu phẩy Năm	
448	1826127281	Nguyễn Thị	Kiều	D18TPMB	18/08/1989	Quảng Nam	7	Bảy	
449	1826268392	Nguyễn Thị Bích	Kiều	D18KDNB	10/02/1989	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
450	1826257943	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	D18KKTB	22/08/1991	Gia Lai	7.3	Bảy phẩy Ba	
451	178212967	Trương Văn	Kiểu	T17XDD	11/06/1984	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
452	1826257999	Ngô Thị	Kim	D18KKTB	25/07/1985	Quảng Nam	8.3	Tám phẩy Ba	
453	1827268460	Nguyễn	Kim	D18KDNB	06/05/1987	Bình Định	8	Tám	
454	171445070	Trần Thị	Kim	K17DCD	04/07/1993	Quảng Nam	8	Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
455	171138862	Nguyễn Duy	King	K17CMU-TCD	10/10/1993	Đà Nẵng	6	Sáu	
456	169222493	Lê Minh	Kỳ	D16XDCB	06/10/1986	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
457	1827247759	Nguyễn Cao	Kỳ	D18QNHBB2	02/08/1990		8	Tám	
458	171575540	Trần Hồ Bảo	Kha	K17QCD6	17/11/1993	Kon Tum	6.5	Sáu phẩy Năm	
459	1827217504	Nguyễn Văn	Khanh	D18QTHB3	04/06/1990	Huế	8.3	Tám phẩy Ba	
460	1827268348	Nguyễn Văn Vy	Khanh	D18KDNB	05/05/1990	Đà Nẵng	7	Bảy	
461	1827268214	Lê Duy	Khánh	D18KDNB	10/03/1991	Quảng Bình	8	Tám	
462	161325392	Nguyễn Bảo	Khánh	K16KCD	11/10/1992	Đà Nẵng	6	Sáu	
463	1827268357	Nguyễn Lê Bảo	Khánh	D18KDNB	11/12/1990	Đà Nẵng	6.3	Sáu phẩy Ba	
464	1827718613	Nguyễn Như	Khánh	D18DLKB	18/03/1988	Quảng Trị	6.8	Sáu phẩy Tám	
465	1826217513	Nguyễn Thị Kim	Khánh	D18QTHB1	10/04/1991	Quảng Nam	9	Chín	
466	171158725	Nguyễn Trần	Khánh	K17ECD	24/04/1993	Gia Lai	5.5	Năm phẩy Năm	
467	171216275	Nguyễn Văn	Khánh	K17XCD	25/12/1993	Quảng Trị	V	Vắng	
468	162253653	Nguyễn Văn	Khánh	K16KMT	28/10/1992	Quảng Nam	7	Bảy	
469	1826217687	Phan Việt	Khánh	D18QTHB3	02/09/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
470	178212964	Trần Minh	Khánh	T17XDD	18/08/1985	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
471	1827112019	Trần Nguyên	Khánh	D18TMT	17/09/1990	Đà Nẵng	2.3	Hai phẩy Ba	
472	1826268480	Trương Thị Kim	Khánh	D18KDNB	23/02/1990	Quảng Nam	9	Chín	
473	152212731	Trần Thành	Khâm	K15XDD	18/07/1991	Quảng Ngãi	4	Bốn	
474	1827127291	Lê Thi ện	Khiêm	D18TPMB	28/02/1989	Quảng Trị	6	Sáu	
475	171446688	Bùi Đăng	Khoa	K17PSU-DCD	22/04/1991	Quảng Trị	9	Chín	
476	1827127290	Hoàng Văn Anh	Khoa	D18TPMB	14/07/1991	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
477	1827268077	Nguyễn Văn	Khoa	D18KDNB	23/07/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
478	1826258047	Lâm Thanh	Khuê	D18KDNB	21/03/1990	Đà Nẵng	7	Bảy	
479	1826718624	Lương Diệu	Khương	D18DLKB	16/07/1991	Quảng Nam	8	Tám	
480	179414790	Hoàng Thị	Là	D18DLKB	00/01/1900		7	Bảy	
481	1826247870	Ngô Thị	Làm	D18QNHBB2	06/04/1990	Phú Yên	9	Chín	
482	1826247879	Lê Thị	Lan	D18QNHBB1	16/10/1991	Thanh Hóa	8.8	Tám phẩy Tám	
483	1826268209	Mai Thị Ngọc	Lan	D18KDNB	20/12/1988	Quảng Bình	8	Tám	
484	1826258004	Nguyễn Thị	Lan	D18KKTb	06/01/1990	Thanh Hóa	7.8	Bảy phẩy Tám	
485	1826258001	Nguyễn Thị Thanh	Lan	D18KKTb	30/04/1991	Đà Nẵng	8	Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
486	171445074	Trần Thị Thanh	Lan	K17DCD	07/06/1992	Đà Nẵng	3	Ba	
487	1826217637	Võ Thị	Lan	D18QTHB4	06/06/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
488	1826217722	Dương Thị	Lanh	D18QTHB5	23/10/1987		8	Tám	
489	1826268150	Nghiêm Thị	Lành	D18KDNB	16/02/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
490	1827217563	Huỳnh	Lâm	D18QTHB3	30/08/1990	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
491	171325970	Lê Thanh	Lâm	K17KCD	16/04/1993	Quảng Trị	6	Sáu	
492	178212968	Phạm Xuân Thanh	Lâm	T17XDD	13/03/1988	Lâm Đồng	8	Tám	
493	162253654	Phùng Tùng	Lâm	K16KMT	27/05/1992	Đắk Lắk	8	Tám	
494	1826268191	Huỳnh Võ Hà	Lê	D18KDNB	16/02/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
495	1826268397	Nguyễn Thị Bảo	Lê	D18KDNB	08/10/1991	Quảng Trị	7	Bảy	
496	1826268355	Nguyễn Thị Thanh	Lê	D18KDNB	26/07/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
497	1826268520	Hoàng Thị Mỹ	Lệ	D18KDNB	05/10/1991	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
498	162716961	Hoàng Thị Mỹ	Lệ	K16VQH	04/04/1992	Đắk Lắk	6.5	Sáu phẩy Năm	
499	171446691	Hồ Thúy	Lệ	K17PSU-DCD	29/07/1993	Nghệ An	9	Chín	
500	1826217465	Nguyễn Thị	Lệ	D18QTHB1	18/01/1990	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
501	1826268234	Nguyễn Thị	Lên	D18KDNB	22/10/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
502	1826268179	Nguyễn Thị Thanh	Liên	D18KDNB	17/05/1991	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
503	161325405	Dương Ái	Liên	K16KCD	03/03/1992	Đà Nẵng	V	Vắng	
504	1826247897	Lê Thị	Liên	D18QNHBB2	20/03/1991	Bình Định	8	Tám	
505	1816217093	Nguyễn Thị Ái	Liên	C18KCDB	11/07/1992	Gia Lai	9	Chín	
506	1826268382	Nguyễn Thị Mỹ	Liên	D18KDNB	08/02/1987	Quảng Nam	7	Bảy	
507	1826268110	Trần Thị Mỹ	Liên	D18KDNB	04/10/1991	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
508	179112067	Võ Thị Kim	Liên	D18TMT	02/11/1989	Quảng Nam	7	Bảy	
509	168222090	Nguyễn Quang	Liên	T16XDC	19/11/1982	Bình Định	V	Vắng	
510	178212969	Vũ Thị	Liểu	T17XDD	02/09/1985	Thanh Hóa	7.3	Bảy phẩy Ba	
511	1826268202	Bùi Thị Xuân	Linh	D18KDNB	15/02/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
512	1826268381	Đỗ Thị Thùy	Linh	D18KDNB	25/01/1987	Quảng Nam	6.8	Sáu phẩy Tám	
513	1826217715	Huỳnh Thị Thùy	Linh	D18QTHB2	05/07/1990	Đà Nẵng	7	Bảy	
514	1826257933	Huỳnh Trịnh Nhật	Linh	D18KDNB	11/08/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
515	1826257995	Lê Thị Mai	Linh	D18KKTb	01/11/1991	Quảng Trị	8	Tám	
516	1827117224	Nguyễn Đặng Đức	Linh	D18TMTb	12/04/1990	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
517	171576595	Nguyễn Khánh	Linh	K17PSU-QCD	01/06/1993	DakLak	5.5	Năm phẩy Năm	
518	1827217603	Nguyễn Lương	Linh	D18QTHB1	15/01/1988	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
519	1827127250	Nguyễn Nhất	Linh	D18TPMB	20/11/1991	Quảng Bình	6	Sáu	
520	1826268223	Nguyễn Thị Kim	Linh	D18KDNB	03/07/1991	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
521	1826257917	Nguyễn Thị Khánh	Linh	D18KKTB	09/05/1991	Quảng Bình	8.3	Tám phẩy Ba	
522	1826268504	Nguyễn Thị Khánh	Linh	D18KDNB	30/08/1991	Thanh Hóa	8	Tám	
523	1826268085	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D18KDNB	04/10/1991	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
524	1826217623	Nguyễn Triệu	Linh	D18QTHB3	06/02/1991	Bình Định	7	Bảy	
525	171155217	Nguyễn Trường Nhật	Linh	K17ECD	06/12/1993	Quảng nam	5.5	Năm phẩy Năm	
526	1826257970	Nguyễn Viết Hạ	Linh	D18KKTB	08/09/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
527	1827268287	Phạm Nhất	Linh	D18KDNB	13/10/1990	Quảng Nam	8	Tám	
528	1826268414	Phạm Thị	Linh	D18KDNB	17/06/1990	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
529	1827268185	Phan Văn	Linh	D18KDNB	16/10/1991	Quảng Bình	7	Bảy	
530	171219011	Phùng Tuấn	Linh	K17XCD	15/01/1992	DakLak	9	Chín	
531	152215529	Tôn Long	Linh	K15XDD	22/01/1988	Gia Lai	3.5	Ba phẩy Năm	
532	171576597	Tưởng Diệu	Linh	K17PSU-QCD	20/04/1993	Quảng Nam	1.8	Một phẩy Tám	
533	1826268284	Trần Hoàng Tổ	Linh	D18KDNB	13/09/1990	Quảng Nam	7	Bảy	
534	1826268550	Trần Thị Nhật	Linh	D18KDNB	22/11/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
535	1826217585	Trần Thị Thảo	Linh	D18QTHB5	25/12/1989	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
536	152222769	Trần Vũ Hoàng	Linh	K15XDC	06/06/1991	Quảng Bình	7	Bảy	
537	1827217576	Trương Phan Thành	Linh	D18QTHB3	31/03/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
538	1826268177	Vũ Thị Hoàng	Linh	D18KDNB	22/10/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
539	1827217661	Nguyễn Đình	Linh	D18QTHB4	06/11/1990	Huế	7	Bảy	
540	1826718625	Trần Thị Hồng	Linh	D18DLKB	30/12/1990	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
541	1826268238	Nguyễn Thị	Linh	D18KDNB	28/09/1990	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
542	1826268495	Dương Thị Thanh	Loan	D18KDNB	10/01/1991	Quảng Bình	7	Bảy	
543	1826247749	Đỗ Thị Kim	Loan	D18QNH2	02/06/1989	Bình Định	9	Chín	
544	1826247743	Lê Thị Hồng	Loan	D18QNH2	16/03/1991	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
545	1826127299	Lê Thị Kiều	Loan	D18TPMB	19/05/1991	Quảng Bình	6	Sáu	
546	1816217080	Lê Vĩnh Thị Bích	Loan	C18KCDB	29/05/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
547	1816217017	Nguyễn Phương Thanh	Loan	C18KCDB	09/06/1992	Đà Nẵng	8	Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
548	1826268349	Nguyễn Thị Loan	D18KDNB	20/09/1991	Quảng Bình	9	Chín	
549	1826268358	Phạm Thị Kim Loan	D18KDNB	22/07/1991	Quảng Ngãi	8	Tám	
550	1826268386	Trần Võ Thị Kiều Loan	D18KDNB	01/10/1987	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
551	162127002	Hoàng Hải Long	K6TPM	06/06/1991	Đắk Lắk	5.8	Năm phẩy Tám	
552	1827217616	Lê Đình Long	D18QTHB5	02/01/1990	Huế	7	Bảy	
553	1827718578	Lê Hoàng Long	D18DLKB	02/05/1986	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
554	1827117156	Lê Hồng Long	D18TMTB	10/02/1989	Nghệ An	8	Tám	
555	171158726	Nguyễn Hải Long	K17ECD	04/10/1993	Khánh Hòa	6	Sáu	
556	1826247848	Nguyễn Hoàng Kim Long	D18QNHBB3	18/11/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
557	168212750	Nguyễn Minh Long	T16XDDB	12/02/1983	Quảng Nam	1	Một	
558	162163171	Nguyễn Quang Long	K16EVT	03/06/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
559	171216284	Trần Đình Long	K17XCD	03/02/1992	Quảng Trị	5.5	Năm phẩy Năm	
560	1826268213	Trương Thụy Long	D18KDNB	02/11/1991	Quảng Nam	8	Tám	
561	1827247852	Võ Duy Long	D18QNHBB2	04/01/1991	Quảng Trị	7.3	Bảy phẩy Ba	
562	171195432	Hoàng Thành Lộc	K17ACD	29/03/1993	Đà Nẵng	7	Bảy	
563	1827127315	Nguyễn Lộc	D18TPMB	20/04/1991	Dak Lak	5.5	Năm phẩy Năm	
564	1827247832	Nguyễn Thanh Lộc	D18QNHBB3	16/03/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
565	1826268088	Nguyễn Thị Lộc	D18KDNB	19/05/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
566	1826247886	Nguyễn Thị Lộc	D18QNHBB2	09/05/1990	Quảng Ngãi	8	Tám	
567	1826247873	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	D18QNHBB1	06/06/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
568	1827117152	Nguyễn Viết Lộc	D18TMTB	31/10/1990	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
569	152523800	Lê Vĩnh Lợi	K15XDC	10/12/1990	Quảng Trị	7	Bảy	
570	1816217088	Lương Thị Lợi	C18KCDB	15/07/1992	Quảng Bình	8	Tám	
571	162413912	Phạm Thị Lợi	K16DLK	10/08/1992	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
572	1827247888	Lê Vũ Luân	D18QNHBB1	03/06/1991	Kon Tum	8	Tám	
573	142211236	Nguyễn Duy Luân	K15XDC	25/03/1990	Phú Yên	7	Bảy	
574	1817117141	Nguyễn Thành Luân	C18TCDB	05/05/1990	Hà Tĩnh	7	Bảy	
575	1827268326	Trần Thành Luân	D18KDNB	20/02/1985	Bình Định	5.5	Năm phẩy Năm	
576	162133104	Võ Thành Luân	K16EVT	10/05/1991	Quảng Bình	6	Sáu	
577	1827268517	Huỳnh Phước Chánh Luận	D18KDNB	27/03/1989	Đà Nẵng	6	Sáu	
578	162314621	Lê Thị Luận	K16KKT	26/10/1992	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
579	1826217671	Nguyễn Thị	Luyến	D18QTHB3	04/02/1991	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
580	1827217573	Kiều Lê Viết	Lực	D18QTHB4	24/10/1988	Đà Nẵng	7	Bảy	
581	1827247739	Lê Công	Lực	D18QNHBB3	12/06/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
582	1827268074	Ngô Phi	Lực	D18KKTBB	16/06/1985	Quảng Nam	7	Bảy	
583	178212971	Nguyễn Văn	Lương	T17XDD	06/05/1984	Quảng Bình	7	Bảy	
584	1827718630	Vô Minh	Lương	D18DLKB	15/03/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
585	178212972	Vô Tấn	Lương	T17XDD	19/05/1985	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
586	171216287	Nguyễn Văn	Lưu	K17XCD	21/12/1992	TT Huế	4	Bốn	
587	1826268089	Trần Thị	Lưu	D18KDNB	01/08/1988	Quảng Bình	8	Tám	
588	1826247770	Phan Thị	Lưu	D18QNHBB3	06/05/1990	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
589	1826268396	Cao Thị Khánh	Ly	D18KDNB	21/01/1991	Nghệ An	8	Tám	
590	1826257936	Đoàn Thị Yến	Ly	D18KKTBB	19/09/1991	Quảng Bình	7.3	Bảy phẩy Ba	
591	1826217714	Lương Khánh	Ly	D18QTHB4	21/08/1990	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
592	1826247748	Mai Thị Ly	Ly	D18QNHBB1	05/11/1991	Huế	7	Bảy	
593	1826718618	Ngô Trúc	Ly	D18DLKB	20/06/1991	Bình Định	7.3	Bảy phẩy Ba	
594	1826268395	Nguyễn Thị	Ly	D18KDNB	01/01/1991	Quảng Trị	7.5	Bảy phẩy Năm	
595	1826257964	Nguyễn Thị Thảo	Ly	D18KKTBB	13/06/1991	Quảng Trị	7	Bảy	
596	1826127292	Trần Thị Cam	Ly	D18TPMB	21/04/1989	Đà Nẵng	7	Bảy	
597	1826718614	Bùi Thị Thi ên	Lý	D18DLKB	00/01/1900		7.3	Bảy phẩy Ba	
598	1827217727	Nguyễn Ngọc	Lý	D18QTHBB1	10/10/1990	Bình Định	7.3	Bảy phẩy Ba	
599	1816217053	Nguyễn Xuân Dạ	Lý	C18KCDB	01/08/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
600	1826217717	Tô Thị Mai	Lý	D18QTHBB1	05/10/1991	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
601	162314624	Trần Thị Hoa	Lý	K16KKT	02/09/1992	Quảng Bình	8.3	Tám phẩy Ba	
602	1826268341	Dương Thị Kim	Mai	D18KDNB	02/06/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
603	1826268158	Đào Thị Hương	Mai	D18KDNB	08/09/1990	Quảng Trị	7	Bảy	
604	1826268575	Lê Thị Thanh	Mai	D18KDNB	13/07/1991	Quảng Nam	8	Tám	
605	1826268370	Nguyễn Thị	Mai	D18KDNB	12/06/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
606	1826247801	Nguyễn Thị	Mai	D18QNHBB2	05/11/1990	Thanh Hóa	8	Tám	
607	1826247874	Nguyễn Thị	Mai	D18QNHBB2	13/04/1991	Quảng Bình	9	Chín	
608	1826268379	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	D18KDNB	03/04/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
609	1826217486	Nguyễn Thị Xuân	Mai	D18QTHBB3	05/07/1991	Kon Tum	8.3	Tám phẩy Ba	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
610	162736788	Phạm Thị Mai	K16VQH	01/08/1992	Quảng Ninh	7.3	Bảy phẩy Ba	
611	1826217479	Trần Thị Ngọc Mai	D18QTHB2	22/06/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
612	1826217611	Võ Thị Mai	D18QTHB4	21/04/1990	Quảng Nam	8	Tám	
613	162717203	Bạch Thị Màu	K16VQH	18/01/1992	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
614	1826258007	Tô Thị Kiều Mến	D18KKTb	17/10/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
615	1816217086	Lê Thị Diễm Mi	C18KCDB	24/08/1992	Gia Lai	1.8	Một phẩy Tám	
616	162735073	Cao Thị Mĩ	K16VQH	08/02/1992	Quảng Bình	6.5	Sáu phẩy Năm	
617	1827127247	Châu Nhật Minh	D18TMTb	15/02/1991	Quảng Nam	3.5	Ba phẩy Năm	
618	1826268273	Hồ Thị Minh	D18KDNB	18/06/1990	Nghệ An	8	Tám	
619	171136409	Lê Thanh Minh	K17CMU-TCD	01/08/1993	DakLak	9	Chín	
620	171216288	Nguyễn Đình Minh	K17XCD	28/09/1991	Bình Phước	3	Ba	
621	1827247851	Nguyễn Nhật Minh	D18QNHB3	01/08/1990	Quảng Nam	8	Tám	
622	171326010	Nguyễn Thanh Minh	K17KCD	05/01/1993	Đắk Lắk	6	Sáu	
623	1827718627	Nguyễn Văn Minh	D18DLKB	14/02/1990	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
624	152215958	Trần Đình Bảo Minh	K15XDD	28/07/1990	Quảng Nam	3	Ba	
625	178212973	Trần Thanh Minh	T17XDD	30/04/1983	Quảng Nam	3.5	Ba phẩy Năm	
626	168212754	Trương Công Một	T16XDDB	19/04/1982	Quảng Nam	DC	Đình chỉ	
627	1826268291	Lê Thị Quỳnh Mơ	D18KDNB	18/08/1990	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
628	1826268402	Cao Thị Trà My	D18KDNB	11/09/1991	Quảng Bình	8	Tám	
629	1826247763	Đặng Trần Diễm My	D18QNHB3	02/02/1991	Bình Định	7	Bảy	
630	1826268184	Hoàng Thị Diễm My	D18KDNB	11/02/1990	Huế	9	Chín	
631	1826268515	Hoàng Thị Thùy My	D18KDNB	03/05/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
632	1826257971	Huỳnh Thị Diễm My	D18KKTb	20/03/1990	Đà Nẵng	6	Sáu	
633	1826268075	Huỳnh Thị Tr à My	D18KDNB	30/04/1990	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
634	1826257997	Lê Thị Diễm My	D18KKTb	25/11/1991	Huế	7.3	Bảy phẩy Ba	
635	161446165	Nguyễn Ngọc My	K17DCD	22/06/1992	Đồng Tháp	5.5	Năm phẩy Năm	
636	1826217615	Nguyễn Thị Diễm My	D18QTHB3	19/07/1989	Quảng Nam	8	Tám	
637	1826217544	Nguyễn Thị Diệu My	D18QTHB2	05/07/1990	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
638	1826268112	Nguyễn Thị Kiều My	D18KDNB	28/04/1991	Quảng Nam	8	Tám	
639	1826247881	Phạm Thị Tr à My	D18QNHB1	01/01/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
640	1826268107	Võ Thị Trâm My	D18KDNB	26/03/1990	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
641	162253656	Hồ Thị Ngọc	Mỹ	K16KMT	29/07/1992	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
642	1826217689	Lê Thị	Mỹ	D18QTHB5	10/02/1991	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
643	1826718585	Trần Thị Hoàn	Mỹ	D18DLKB	09/08/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
644	171575582	Đinh Thị Ly	Na	K17QCD3	28/08/1993	Quảng Bình	6	Sáu	
645	1826718628	Lương Thái Ly	Na	D18DLKB	23/09/1988	Quảng Nam	7	Bảy	
646	171323359	Nguyễn Thị Thu	Na	C17KCDB	19/05/1990	Quảng Nam	7	Bảy	
647	1826268506	Trần Thị	Na	D18KDNB	11/08/1991	Hà Tĩnh	7	Bảy	
648	1826217569	Trần Thị Mi	Na	D18QTHB1	23/05/1989	Huế	8.3	Tám phẩy Ba	
649	1826257914	Hồ Thị Hoài	Nam	D18KKTB	06/08/1991	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
650	168222780	Lê Đức	Nam	T16XDCB	02/12/1988	Quảng Nam	V	Vắng	
651	1827217597	Nguyễn Hoàng	Nam	D18QTHB1	05/11/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
652	1827217631	Nguyễn Văn	Nam	D18QTHB4	02/05/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
653	171575583	Tô Giang	Nam	K17QCD2	01/01/1993	Bình Định	8.5	Tám phẩy Năm	
654	152212718	Trần Ngọc	Nam	K15XDD	11/09/1990	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
655	171216294	Trần Văn	Nam	K17XCD	15/02/1993	ĐAK NÔNG	3	Ba	
656	1827217523	Ung Việt	Nam	D18QTHB2	18/04/1991	Quảng Nam	8	Tám	
657	1827217578	Vô Quốc	Nam	D18QTHB5	29/03/1990	Quảng Nam	5.8	Năm phẩy Tám	
658	1827117165	Bùi Thanh	Năng	D18TMTB	20/06/1988	Quảng Ngãi	3	Ba	
659	1827247864	Vũ Quang	Năng	D18QNHB2	04/10/1991	Kon Tum	7.3	Bảy phẩy Ba	
660	1826247802	Đinh Thị Li	Ni	D18QNHB3	13/07/1989	Đà Nẵng	8	Tám	
661	1826258037	Lê Thị	Ni	D18KDNB	19/04/1990	Quảng Trị	7	Bảy	
662	1826268359	Nguyễn Tùng Thảo	Ni	D18KDNB	19/08/1991	Quảng Trị	8	Tám	
663	1826258059	Nguyễn Thị Hồng	Ni	D18KKTB	01/01/1991	Quảng Nam	6	Sáu	
664	1826268176	Nguyễn Thị Nhật	Ni	D18KDNB	01/11/1991	Quảng Nam	8	Tám	
665	1826247893	Nguyễn Thị Yến	Ni	D18QNHB1	05/07/1991	Đăk Lăk	8	Tám	
666	1826268567	Vô Thị Bích	Ni	D18KDNB	25/10/1989	Quảng Nam	8	Tám	
667	1826247812	H' Biün	Niê	D18QNHB2	19/08/1990	Đăk Lăk	7.3	Bảy phẩy Ba	
668	1827718588	Huỳnh Lê Phước	Niêm	D18DLKB	24/04/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
669	1827112093	Hoàng Xuân	Niêm	D18TMT	08/03/1988	Quảng Trị	3.5	Ba phẩy Năm	
670	1826217635	Vô Thị	Niêm	D18QTHB1	03/01/1990	Quảng Bình	7.8	Bảy phẩy Tám	
671	152232945	Đào Hải	Ninh	K15KTR4	29/03/1990	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
672	1826247811	Lê Thị Trúc	Nơ	D18QNH3	30/09/1991		7.3	Bảy phẩy Ba	
673	1826268415	Trần Thị	Nơ	D18KDNB	20/12/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
674	1826268252	Đặng Thị	Nữ	D18KDNB	03/03/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
675	1826127296	Phạm Thị	Nữ	D18TPMB	23/06/1989	Quảng Nam	6.8	Sáu phẩy Tám	
676	1826268237	Nguyễn Thị	Nữ	D18KDNB	28/08/1990	Quảng Nam	9	Chín	
677	179333713	Lê	Ny	D18QTHB5	06/07/1990	Quảng Nam	9	Chín	
678	1826268306	Đoàn Thị Thanh	Nga	D18KDNB	01/01/1980	Quảng Nam	8	Tám	
679	1826268285	Hà Thị Bích	Nga	D18KDNB	10/08/1991	Quảng Nam	8	Tám	
680	1826268097	Hồ Thị Tố	Nga	D18KDNB	10/03/1987	Đà Nẵng	7	Bảy	
681	1816217015	Lâm Thị Ánh	Nga	C18KCDB	05/05/1992	Đà Nẵng	2.8	Hai phẩy Tám	
682	1826268228	Lê Thị Kim	Nga	D18KDNB	06/10/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
683	178322660	Lê Thị Quỳnh	Nga	T17KDN	14/03/1987	Đà Nẵng	V	Văng	
684	1816217032	Nguyễn Thị Kiều	Nga	C18KCDB	20/05/1992	Đà Nẵng	6	Sáu	
685	1826268157	Nguyễn Thị Ly	Nga	D18KDNB	01/01/1990	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
686	1826268224	Nguyễn Thị Thu	Nga	D18KDNB	10/08/1990	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
687	171323369	Phạm Thị Thanh	Nga	C17KCDB	04/03/1991	Đà Nẵng	9	Chín	
688	1826268121	Tào Thị	Nga	D18KDNB	18/04/1991	Thanh Hóa	7.5	Bảy phẩy Năm	
689	1826257967	Trương Thị Nguyệt	Nga	D18KKTb	02/12/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
690	1826257920	Đỗ Thị Ngọc	Ngà	D18KKTb	25/02/1990	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
691	168222781	Lưu Minh	Ngân	T16XDCB	26/05/1988	Quảng Trị	7.5	Bảy phẩy Năm	
692	1826217462	Lê Thị Quỳnh	Ngân	D18QTHB3	10/10/1991	Đắk Lắk	8.8	Tám phẩy Tám	
693	1826217572	Lê Thị Tuyết	Ngân	D18QTHB3	13/09/1991	Quảng Nam	8	Tám	
694	1816217009	Mai Lê Thu	Ngân	C18KCDB	31/10/1992	Đà Nẵng	7	Bảy	
695	1826268423	Nguyễn Hồng	Ngân	D18KDNB	17/08/1991	Hải Hưng	8	Tám	
696	1826257951	Nguyễn Thị	Ngân	D18KKTb	13/07/1991	Quảng Nam	8	Tám	
697	1816217004	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	C18KCDB	05/10/1992	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
698	1826268491	Phan Thị Bảo	Ngân	D18KDNB	21/11/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
699	1826217658	Trần Thị Mỹ	Ngân	D18QTHB5	25/02/1991	Bình Định	7	Bảy	
700	1826718593	Trương Lê Kim	Ngân	D18DLKB	22/11/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
701	1826268322	Võ Thị Hoàn	Ngân	D18KDNB	19/11/1991	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
702	1826268239	Phan Thị Hồng	Nghĩa	D18KDNB	29/07/1991	Gia Lai	7.5	Bảy phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
703	168222099	Dương Xuân	Nghiêm	T16XDC	04/03/1986	Tt Hu ế	8	Tám	
704	1826268297	Bùi Như	Ngọc	D18KDNB	05/01/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
705	162524286	Đỗ Trần	Ngọc	K16QNH4	04/07/1992	Quảng Nam	8	Tám	
706	1826257928	Hoàng Phương	Ngọc	D18KKTb	10/08/1990	Quảng Bình	8.3	Tám phẩy Ba	
707	1827127308	Nguyễn Chí Quang	Ngọc	D18TPMB	15/01/1989	Quảng Bình	6	Sáu	
708	1826247860	Nguyễn Lê Hồng	Ngọc	D18QNHb3	12/08/1991	Quảng Ngãi	8.5	Tám phẩy Năm	
709	1826127297	Nguyễn Thị	Ngọc	D18TPMB	29/12/1991	Dak Lak	6	Sáu	
710	1826268133	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	D18KDNB	19/10/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
711	1826268303	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D18KDNB	17/10/1990	Quảng Bình	8	Tám	
712	1826217508	Phạm Thảo	Ngọc	D18QTHb1	02/09/1991	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
713	1826258023	Phạm Thị Hồng	Ngọc	D18KKTb	22/10/1991	Nghệ An	8	Tám	
714	1826268090	Phan Lê Bảo	Ngọc	D18KDNB	22/08/1989	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
715	1826257923	Phan Như	Ngọc	D18KKTb	06/02/1985	Quảng Nam	8.3	Tám phẩy Ba	
716	1826217458	Trần Khánh	Ngọc	D18QTHb1	06/11/1991	Quảng Trị	8.5	Tám phẩy Năm	
717	1826217534	Trần Lê Phương	Ngọc	D18QTHb3	15/11/1991	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
718	1826217589	Trần Thị Cẩm	Ngọc	D18QTHb5	12/12/1989	Quảng Trị	8	Tám	
719	1826257977	Võ Thị Phương	Ngọc	D18KKTb	12/12/1991	Quảng Ngãi	7.3	Bảy phẩy Ba	
720	162163175	Cái Hồng	Nguyên	K16EVT	08/07/1992	TT Hu ế	6.5	Sáu phẩy Năm	
721	1826257989	Đào Thị Hạnh	Nguyên	D18KKTb	19/11/1988	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
722	1827127249	Đặng Văn	Nguyên	D18TPMB	20/05/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
723	162257353	Đinh Hạnh	Nguyên	K16KMT	12/03/1992	Quảng Nam	7	Bảy	
724	171216299	Huỳnh Văn	Nguyên	K17XCD	18/02/1993	TT Hu ế	5.5	Năm phẩy Năm	
725	1826217696	Lê Hoàng Khôi	Nguyên	D18QTHb2	02/01/1989	Đà Nẵng	8	Tám	
726	1827247781	Lê Thảo	Nguyên	D18QNHb3	05/09/1991	Gia Lai	7	Bảy	
727	1826217558	Lê Thị	Nguyên	D18QTHb2	03/02/1990	Thanh Hóa	8	Tám	
728	1827257953	Nguyễn Hoàng Vỹ	Nguyên	D18KKTb	01/01/1990	Đăk Lăk	6.5	Sáu phẩy Năm	
729	1827217646	Nguyễn Ngọc	Nguyên	D18QTHb5	17/11/1991	Bình Định	5.5	Năm phẩy Năm	
730	162113020	Trần Cao	Nguyên	K16TMT	01/11/1992	Quảng Nam	2.5	Hai phẩy Năm	
731	1826718595	Trần Thị Trúc	Nguyên	D18DLKB	20/10/1991	Phú Yên	7	Bảy	
732	162343858	Nguyễn Xuân	Nguyễn	K16QTM1	04/03/1991	Đà Nẵng	V	Vắng	
733	1826268446	Đinh Ánh	Nguyệt	D18KDNB	02/12/1990	Bình Định	8.5	Tám phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
734	1826217598	Hoàng Thị	Nguyệt	D18QTHB1	07/11/1990	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
735	1826268230	Hồ Yến	Nguyệt	D18KDNB	29/07/1989	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
736	1826268343	Nguyễn Thị Như	Nguyệt	D18KDNB	27/07/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
737	171326035	Phạm Hoàng Minh	Nguyệt	K17KCD	31/07/1992	Quảng Nam	1.8	Một phẩy Tám	
738	1826268145	Phan Thị Ánh	Nguyệt	D18KDNB	05/10/1991	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
739	1826268232	Trần Thị Hoàng	Nguyệt	D18KDNB	24/09/1991	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
740	1826268144	Trương Minh	Nguyệt	D18KDNB	17/07/1987	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
741	162163176	Nguyễn Ngọc	Nhã	K16EVT	09/04/1992	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
742	1826257990	Nguyễn Thị An	Nhàn	D18KKTb	11/06/1991	Quảng Trị	8	Tám	
743	171575605	Nguyễn Thị Phú	Nhàn	K17QCD2	29/11/1993	Gia Lai	7.5	Bảy phẩy Năm	
744	162163177	Vô Thanh	Nhàn	K16EVT	14/09/1992	Quảng Nam	6.8	Sáu phẩy Tám	
745	1826268439	Lê Thị Hồng	Nhàn	D18KDNB	12/12/1985	Quảng Trị	7.5	Bảy phẩy Năm	
746	162253658	Ca Thị Hồng	Nhân	K16KMT	04/04/1992	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
747	1827268175	Lê Anh	Nhân	D18KDNB	24/06/1990	Đà Nẵng	7	Bảy	
748	1826268225	Lê Thị Yến	Nhân	D18KDNB	20/05/1991	Bình Định	8.5	Tám phẩy Năm	
749	1827217488	Nguyễn Phương	Nhân	D18QTHB1	13/02/1990	Đà Nẵng	V	Vắng	
750	1827117163	Nguyễn Thanh	Nhân	D18TMTb	21/10/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
751	1826258024	Nguyễn Thị	Nhân	D18KKTb	25/08/1991	Quảng Bình	7.3	Bảy phẩy Ba	
752	1826217559	Nguyễn Thị Mỹ	Nhân	D18QTHB2	08/06/1991	Quảng Trị	7.3	Bảy phẩy Ba	
753	1827117159	Phan Huy	Nhật	D18TMTb	29/07/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
754	171578978	Trần Y	Nhật	K17QCD8	27/07/1993	DakLak	4	Bốn	
755	1827247889	Vô Quang	Nhật	D18QNHB1	16/10/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
756	132416474	Bùi Dương Ý	Nhi	K13DLK	02/06/1989	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
757	171446710	Huỳnh Tú	Nhi	K17PSU-DCD	01/02/1993	Đà Nẵng	8	Tám	
758	1826268081	Lê Ngọc Ái	Nhi	D18KDNB	01/01/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
759	1826217587	Lê Phương Sương	Nhi	D18QTHB4	26/02/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
760	1826268486	Lê Thị Ngọc	Nhi	D18KDNB	17/11/1990	Quảng Trị	8	Tám	
761	1826217655	Lê Thị Yến	Nhi	D18QTHB5	05/12/1991	Đà Nẵng	9	Chín	
762	1826268398	Lê Thị Yến	Nhi	D18KDNB	28/11/1991	Quảng Nam	8	Tám	
763	161325536	Nguyễn Thảo Uyên	Nhi	K17KCD	18/06/1991	Đà Nẵng	2.3	Hai phẩy Ba	
764	1826247899	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	D18QNHB3	12/04/1991	Quảng Ngãi	8	Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
765	1826268114	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	D18KDNB	05/08/1991	Quảng Nam	8	Tám	
766	1826247820	Trần Tường Kha	Nhi	D18QNHB2	29/09/1991	Bình Định	7.5	Bảy phẩy Năm	
767	1826268076	Trần Thị Thanh	Nhi	D18KDNB	09/08/1989	Huế	8	Tám	
768	152734510	Văn Thị	Nhi	K16VQH	25/02/1990	Huế	6.3	Sáu phẩy Ba	
769	1826268538	Võ Thị Yến	Nhi	D18KDNB	21/08/1991	Bến Tre	7.5	Bảy phẩy Năm	
770	1816217072	Ngô Thị	Nhiệm	C18KCDB	05/04/1992	Quảng Nam	3	Ba	
771	1826257981	Lê Thị	Nhiên	D18KKTb	02/03/1991	Sóc Trăng	7.5	Bảy phẩy Năm	
772	162257176	Lê Thị	Nhiều	K16KMT	16/02/1992	Quảng Ngãi	8	Tám	
773	1826217570	Nguyễn Thị	Nhơn	D18QTHB1	08/08/1991	Bình Định	8.3	Tám phẩy Ba	
774	1826247784	Nguyễn Thị Hoài	Nhơn	D18QNHB1	26/05/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
775	178212976	Phạm Bắc	Nhơn	T17XDD	27/08/1987	Daklak	6	Sáu	
776	1826268181	Dương Thị Hồng	Nhung	D18KDNB	05/05/1991	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
777	1826268103	Đào Cẩm	Nhung	D18KDNB	16/04/1991	Quảng Trị	9	Chín	
778	1826268314	Đào Thị Hồng	Nhung	D18KDNB	30/04/1991	Đak-lăk	8	Tám	
779	1826127277	Hồ Thị Cẩm	Nhung	D18TPMB	10/06/1991	Dak Lak	5.5	Năm phẩy Năm	
780	1826268351	Lê Thị Thùy	Nhung	D18KDNB	08/01/1991	Quảng Bình	8	Tám	
781	1826268406	Nguyễn Hồng	Nhung	D18KDNB	15/05/1990	Quảng Nam	7	Bảy	
782	1826217632	Nguyễn Thị	Nhung	D18QTHB4	18/08/1991	Hà Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
783	1826268464	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	D18KDNB	27/07/1991	Đăk Lăk	9	Chín	
784	1826247838	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	D18QNHB2	07/10/1989		8.5	Tám phẩy Năm	
785	1826258019	Phan Thị	Nhung	D18KKTb	14/11/1988	Đà Nẵng	8	Tám	
786	1826247824	Tôn Th ị Cẩm	Nhung	D18QNHB1	13/12/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
787	1826268143	Trần Hồ Cẩm	Nhung	D18KDNB	10/06/1991	Quảng Bình	9	Chín	
788	1826127309	Trần Thị	Nhung	D18TPMB	10/12/1985	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
789	1826247754	Trần Thị Cẩm	Nhung	D18QNHB2	17/09/1991	Đà Nẵng	9	Chín	
790	1826217674	Đồng Thị Khánh	Như	D18QTHB5	30/05/1990	Đà Nẵng	9	Chín	
791	1826247900	Lê Quỳnh	Như	D18QNHB1	05/11/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
792	1826217693	Nguyễn Thị	Nhự	D18QTHB4	02/01/1988	Gia Lai	7.3	Bảy phẩy Ba	
793	1826258067	Ngô Thị	Nhựt	D18KKTb	25/10/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
794	1826268178	Hồ Thị Lệ	Oanh	D18KDNB	11/11/1989	Đà Nẵng	7	Bảy	
795	1826247735	Lê Thị Kiều	Oanh	D18QNHB1	01/10/1988	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
796	1826217464	Ngô Thị Hoàng	Oanh	D18QTHB2	11/06/1991	Quảng Nam	8	Tám	
797	1826127295	Nguyễn Kim	Oanh	D18TPMB	21/10/1989	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
798	1826268541	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	D18KDNB	28/12/1990	Quảng Bình	8	Tám	
799	1826217692	Nguyễn Thị Lý	Oanh	D18QTHB4	27/07/1990	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
800	1826247785	Trần Thị Phương	Oanh	D18QNHB2	23/12/1990	Huế	7.5	Bảy phẩy Năm	
801	1826268311	Võ Kiều	Oanh	D18KDNB	04/05/1988	Đà Nẵng	7	Bảy	
802	1826268267	Võ Thị	Oanh	D18KDNB	19/09/1989	Bình Định	7	Bảy	
803	152313982	Đặng Văn	Pháp	K15KKT	26/03/1990	Dăklak	5.5	Năm phẩy Năm	
804	1827127278	Lê Đại	Phi	D18TPMB	18/08/1989	Dak Lak	5.5	Năm phẩy Năm	
805	162256837	Nguyễn Hoàng	Phi	K16KMT	24/09/1992	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
806	171216305	Nguyễn Văn	Phi	K17XCD	05/04/1993	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
807	132214516	Phạm Dương	Phi	K15XDD	26/10/1988	Quảng Trị	V	Vắng	
808	171218835	Trần Tấn	Phi	K17XCD	08/07/1993	Đà Nẵng	8	Tám	
809	178212977	Lê Trung	Phiên	T17XDD	25/06/1985	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
810	132224748	Nguyễn Đoàn Vũ	Phong	K14XDC	25/03/1986	Huế	6.5	Sáu phẩy Năm	
811	1827247892	Đỗ Thanh	Phú	D18QNHB2	18/03/1990	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
812	171218853	Nguyễn Văn	Phú	K17XCD	04/08/1992	Quảng Bình	7	Bảy	
813	1827247857	Đặng Quang	Phúc	D18QNHB3	01/06/1991	Gia Lai	8	Tám	
814	1827257907	Nguyễn Hữu	Phúc	D18KKTb	06/03/1990	Đăk Lăk	7.5	Bảy phẩy Năm	
815	1827257978	Trương Kim	Phúc	D18KKTb	19/05/1990	Đăk Lăk	7.5	Bảy phẩy Năm	
816	1827217474	Hồ Công	Phước	D18QTHB3	10/05/1991	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
817	171575623	Ngô Hữu	Phước	K17QCD1	10/01/1991	DakLak	2	Hai	
818	1826217574	Nguyễn Ngọc	Phước	D18QTHB5	01/08/1989	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
819	141444320	Nguyễn Văn Đại	Phước	K15DCD	22/06/1990	Quảng Nam	V	Vắng	
820	178223012	Trần Chiêm	Phước	T17XDC	14/06/1985	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
821	1826257998	Cao Thị Nhật	Phương	D18KKTb	24/02/1989	Quảng Bình	8.3	Tám phẩy Ba	
822	1826718592	Dương Thị Bích	Phương	D18DLKB	09/03/1991	Đà Nẵng	6.3	Sáu phẩy Ba	
823	1826268312	Dương Thị Lan	Phương	D18KDNB	24/08/1990	Quảng Bình	7	Bảy	
824	1827112074	Đặng Văn	Phương	D18TMT	14/05/1990	Quảng Ngãi	5.5	Năm phẩy Năm	
825	1827217600	Đỗ Thành	Phương	D18QTHB1	08/11/1990	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
826	1826268478	Hoàng Như	Phương	D18KDNB	08/10/1987	Quảng Bình	7	Bảy	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
827	1826268497	Hoàng Thị Hoài	Phượng	D18KDNB	20/06/1991	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
828	1827217593	Huỳnh Tấn	Phượng	D18QTHB1	10/07/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
829	1827247777	Huỳnh Tấn	Phượng	D18QNHBB3	02/10/1990	Kon Tum	8	Tám	
830	1826258073	Huỳnh Thị Bích	Phượng	D18KKTb	02/04/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
831	1826258016	Huỳnh Thị Lệ	Phượng	D18KKTb	09/02/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
832	179122130	Lê Như	Phượng	D17TPM	09/03/1989	Đà Nẵng	V	Vắng	
833	1826127261	Mai Thị Thanh	Phượng	D18TPMB	04/12/1984	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
834	152732087	Nguyễn Lê Hoài	Phượng	K16VQH	03/11/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
835	1826217468	Nguyễn Loan	Phượng	D18QTHB2	27/10/1991	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
836	152212640	Nguyễn Ngọc	Phượng	K15XDD	17/08/1991	Quảng Nam	3	Ba	
837	152232944	Nguyễn Tống	Phượng	K15KTR4	15/06/1991	Quảng Nam	6	Sáu	
838	1826268129	Nguyễn Thị Bích	Phượng	D18KDNB	02/09/1991	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
839	1826257992	Nguyễn Thị Hoài	Phượng	D18KKTb	03/03/1989	Quảng Trị	8.3	Tám phẩy Ba	
840	178223014	Nguyễn Văn	Phượng	T17XDC	12/05/1982	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
841	162256511	Nguyễn Vũ Anh	Phượng	K16KMT	14/02/1992	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
842	1827217463	Phan Duy	Phượng	D18QTHB2	16/11/1991	Quảng Nam	6.3	Sáu phẩy Ba	
843	1827117175	Trần Linh	Phượng	D18TMTb	23/09/1990	Quảng Trị	7.3	Bảy phẩy Ba	
844	1826247794	Trần Phạm Hoài	Phượng	D18QNHBB1	24/05/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
845	1826217535	Trần Thị Mỹ	Phượng	D18QTHB4	10/03/1991	Quảng Ngãi	7.5	Bảy phẩy Năm	
846	1816217063	Trương Thị Hiền	Phượng	C18KCDB	19/09/1991	Quảng Bình	4	Bốn	
847	171445122	Lê Thị	Phượng	K17DCD	16/10/1992	Quảng Nam	6	Sáu	
848	1826268400	Lê Thị Kim	Phượng	D18KKTb	19/06/1991	Huế	8	Tám	
849	1826268389	Lê Thị Mỹ	Phượng	D18KDNB	02/10/1991	Quảng Trị	7	Bảy	
850	1826258063	Lê Thị Thúy	Phượng	D18KKTb	05/04/1991	Gia Lai	5.5	Năm phẩy Năm	
851	1826247788	Lý Thị Xuân	Phượng	D18QNHBB2	29/09/1991	Quảng Nam	8	Tám	
852	162256773	Nguyễn Thị Đoan	Phượng	K16KMT	20/10/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
853	1826257946	Nguyễn Thị Kim	Phượng	D18KKTb	01/10/1984	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
854	178322663	Nguyễn Thúy	Phượng	T17KDN	15/03/1982	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
855	162253662	Lê Ngọc	Quang	K16EVT	20/07/1991	Quảng Bình	7	Bảy	
856	162253661	Nguyễn Đăng	Quang	K16KMT	18/10/1992	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
857	161217595	Nguyễn Ngọc	Quang	K16XCD	01/12/1992	Quảng Nam	9	Chín	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
858	1827247775	Nguyễn Văn	Quang	D18QNHB1	01/11/1991	Bình Định	7.5	Bảy phẩy Năm	
859	162257261	Nguyễn Văn	Quang	K16KMT	26/11/1992	Đà Nẵng	8	Tám	
860	171575638	Trần Phước	Quang	K17QCD2	15/07/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
861	1827217480	Trần Trọng	Quang	D18QTHB4	21/08/1989	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
862	1827127313	Phan Hà Hồng	Quân	D18TPMB	10/01/1991	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
863	1827112089	Phan Minh	Quân	D18TMT	25/01/1989	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
864	152222772	Trần Anh	Quân	K15XDC	25/04/1991	Quảng Bình	8	Tám	
865	162123064	Trần Hồng	Quân	K16EVT	07/08/1992	Nghệ An	5.5	Năm phẩy Năm	
866	1827117169	Vương Minh	Quân	D18TMTB	19/09/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
867	152353470	Lê Minh	Quân	K15QTC2	09/07/1991	Quảng Nam	DC	Đình chỉ	
868	162257089	Bùi Văn	Quí	K16KMT	05/06/1992	Quảng Bình	7	Bảy	
869	152212622	Nguyễn Công	Quốc	K16EVT	31/10/1991	Quảng Nam	6	Sáu	
870	1827217524	Nguyễn Hữu	Quốc	D18QTHB1	15/02/1991	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
871	1827217545	Nguyễn Kim	Quốc	D18QTHB4	20/11/1991	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
872	1827257922	Phạm Thái	Quốc	D18KKTB	24/01/1990	Quảng Nam	8.3	Tám phẩy Ba	
873	152216454	Võ Anh	Quốc	K15XDD	01/08/1991	Quảng Bình	6.8	Sáu phẩy Tám	
874	1827117203	Nguyễn Văn	Quy	D18TMTB	02/02/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
875	1827217723	Phạm Việt	Quy	D18QTHB5	09/02/1990	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
876	171216324	Lê Thái	Quý	K17XCD	14/10/1993	Quảng Bình	2.5	Hai phẩy Năm	
877	1826268216	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	D18KDNB	03/08/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
878	1826257926	Nguyễn Thị Thanh	Quý	D18KKTB	01/12/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
879	1827127258	Phan Thanh	Quý	D18TPMB	02/12/1990	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
880	169221615	Phùng Thị ện	Quý	D16XDC	25/01/1982	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
881	1826268363	Đinh Thục	Quyên	D18KDNB	26/06/1990	Đà Nẵng	7	Bảy	
882	1826247737	Đỗ Cao	Quyên	D18QNHB1	03/02/1989	Đắk Lắk	8	Tám	
883	1826217665	Hoàng Thị	Quyên	D18QTHB4	04/03/1990	Quảng Bình	9	Chín	
884	1826268554	Lê Nguyễn Ngọc	Quyên	D18KDNB	17/02/1989	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
885	1826217514	Nguyễn Thị Đỗ	Quyên	D18QTHB2	10/04/1991	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
886	1826268288	Nguyễn Thị Mai	Quyên	D18KDNB	25/08/1991	Quảng Trị	7	Bảy	
887	1826247843	Nguyễn Thị Tú	Quyên	D18QNHB2	20/11/1991	Quảng Ngãi	6.5	Sáu phẩy Năm	
888	1826217682	Vũ Nữ Ánh	Quyên	D18QTHB2	17/10/1990		6.8	Sáu phẩy Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
889	171576632	Bùi Th ị Như	Quỳnh	K17PSU-QCD	15/03/1993	Đà Nẵng	9	Chín	
890	1826217624	Đào Thị Như	Quỳnh	D18QTHB2	27/05/1990	Quảng Trị	7	Bảy	
891	1826268235	Lê Thị Như	Quỳnh	D18KDNB	24/12/1991	Quảng Bình	7	Bảy	
892	1826268229	Mai Thị Bích	Quỳnh	D18KDNB	28/11/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
893	1826247733	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	D18QNH1	15/02/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
894	1826217725	Nguyễn Nhật Hạ	Quỳnh	D18QTHB1	08/09/1991	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
895	162167006	Nguyễn Văn	Quỳnh	K16EVT	03/10/1992	Nam Hà	5.5	Năm phẩy Năm	
896	1826268477	Phạm Khánh	Quỳnh	D18KDNB	23/07/1991	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
897	1826268482	Phạm Thúy	Quỳnh	D18KDNB	30/08/1989	Vinh	7.5	Bảy phẩy Năm	
898	1826268172	Phan Thị Cẩm	Quỳnh	D18KDNB	01/04/1991	Quảng Nam	8	Tám	
899	1826217651	Thái Dương Hoa	Quỳnh	D18QTHB5	15/09/1989	Quảng Ngãi	8	Tám	
900	171446718	Trần Cao Như	Quỳnh	K17PSU-DCD	14/12/1993	Đà Nẵng	7	Bảy	
901	162737379	Trần Thị Ngọc	Quỳnh	K16VQH	29/03/1991	Đăk Lăk	7	Bảy	
902	1826258006	Trịnh Thị Ngọc	Quỳnh	D18KKTB	11/07/1990	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
903	162163184	Phan Tái	Rin	K16EVT	16/10/1992	Quảng Nam	6	Sáu	
904	1826268380	Nguyễn Thị Thanh	Sa	D18KDNB	20/08/1989	Gia Lai	8.5	Tám phẩy Năm	
905	1826247753	Nguyễn Thị Yên	Sa	D18QNH1	20/05/1990	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
906	1826268200	Trần Thị My	Sa	D18KDNB	27/10/1991	Đà Nẵng	9	Chín	
907	1817217094	Nguyễn Huỳnh	Sang	C18KCDB	09/11/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
908	1827217498	Phạm Chí	Sang	D18QTHB5	02/01/1989	Quảng Nam	7	Bảy	
909	179113449	Tôn Th ất	Sang	D17TMTB	20/10/1988	Thừa Thiên Huế	V	Vắng	
910	1826268170	Tổng Trần Ngọc	Sang	D18KKTB	21/01/1990	Đà Nẵng	6.3	Sáu phẩy Ba	
911	171575642	Thái Thanh	Sang	K17QCD4	12/05/1993	Đà Nẵng	8	Tám	
912	178212980	Văn Châu Thanh	Sang	T17XDD	20/07/1986	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
913	1827127271	Nguyễn Văn	Sáng	D18TPMB	20/06/1991	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
914	1826268443	Đặng Thị	Sao	D18KDNB	05/08/1988	Đà Nẵng	9	Chín	
915	1826268493	Phạm Thị	Sáu	D18KDNB	06/06/1991	Quảng Bình	8	Tám	
916	1826268211	Trần Thị Kim	Sen	D18KDNB	23/07/1987	Đà Nẵng	7	Bảy	
917	1827217487	Nguyễn Tấn	Sinh	D18QTHB5	09/12/1989	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
918	179522829	Trần	Sinh	D17QNH1	03/10/1988	Quảng Nam	7	Bảy	
919	1827257925	Vô Thành	Sinh	D18KKTB	19/08/1991	Quảng Nam	6	Sáu	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
920	1827257966	Bùi Xuân	Sơn	D18KKTB	26/08/1991	Quảng Nam	6.8	Sáu phẩy Tám	
921	162163185	Đặng Thanh	Sơn	K16EVT	12/01/1992	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
922	162737114	Hoàng Đình	Sơn	K16VQH	16/08/1992	Quảng Bình	7	Bảy	
923	1827117219	Nguyễn Ngọc	Sơn	D18TMTB	01/11/1991	Nghệ An	8	Tám	
924	1827268327	Nguyễn Văn Long	Sơn	D18KDNB	19/05/1989	Đà Nẵng	8	Tám	
925	1827217507	Trần Thạch	Sơn	D18QTHB3	19/01/1991	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
926	1826268561	Đoàn Thị Thu	Sương	D18KDNB	23/09/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
927	1826257991	Lương Thị	Sương	D18KKTB	11/04/1991	Quảng Ngãi	7	Bảy	
928	1827217588	Ngô Quốc	Sương	D18QTHB5	17/01/1990	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
929	171685283	Nguyễn Thị Thu	Sương	K17NCD	17/01/1993	Quảng Nam	9	Chín	
930	1826217705	Phan Thị	Sương	D18QTHB3	14/06/1990	Nghệ An	8.3	Tám phẩy Ba	
931	1826268164	Trần Thị Thanh	Sương	D18KDNB	08/03/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
932	168212758	Nguyễn Quang	Tá	T16XDDB	26/08/1986	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
933	162253664	Đặng Anh	Tài	K16KMT	09/12/1992	Quảng Bình	6.5	Sáu phẩy Năm	
934	1827217706	Lê Việt	Tài	D18QTHB2	25/08/1990	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
935	1826217642	Lương Thị Cẩm	Tài	D18QTHB1	11/01/1990	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
936	1826258043	Ngô Thị	Tài	D18KKTB	01/05/1990	Quảng Nam	7	Bảy	
937	1827112106	Nguyễn Anh	Tài	D18TMT	04/06/1990	Quảng Bình	6.5	Sáu phẩy Năm	
938	168222782	Phạm Văn	Tặng	T16XDDB	08/08/1979	Đà Nẵng	V	Văng	
939	1827268310	Bùi Văn	Tâm	D18KDNB	21/08/1990	Nam Định	5.5	Năm phẩy Năm	
940	1826217607	Dương Thị Minh	Tâm	D18QTHB4	19/09/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
941	1826268540	Đoàn Thị Minh	Tâm	D18KKTB	25/10/1991	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
942	1826247903	Lê Thị	Tâm	D18QNHBB	01/01/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
943	1826258054	Lê Thị Thanh	Tâm	D18KKTB	13/11/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
944	1826268481	Mai Thị Minh	Tâm	D18KDNB	10/11/1990	Đà Nẵng	V	Văng	
945	1827112099	Nguyễn Bình	Tâm	D18TMT	15/10/1984	Quảng Nam	V	Văng	
946	1817117134	Nguyễn Ngọc	Tâm	C18TCDB	08/10/1988	Gia Lai	9	Chín	
947	1826257974	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	D18KKTB	09/06/1991	Quảng Nam	8	Tám	
948	1827217716	Phạm Văn	Tâm	D18QTHB3	25/05/1990	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
949	1827127289	Trảo An	Tâm	D18TPMB	03/09/1991	Gia Lai	8	Tám	
950	1826718587	Trần Nguyễn Anh	Tâm	D18DLKB	23/06/1991	Đà Nẵng	8	Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
951	162257055	Trần Thị Huỳnh	Tâm	K16KMT	16/10/1992	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
952	151135185	Đỗ Vũ	Tân	K15TCD	05/03/1990	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
953	1827117210	Lê Minh	Tân	D18TMTB	13/02/1991	Hà Tĩnh	6	Sáu	
954	132527093	Lê Nhật	Tân	K13QNH6	30/12/1989	Thanh Hóa	5.5	Năm phẩy Năm	
955	152212645	Lê Xuân	Tân	K15XDD	04/10/1991	Quảng Trị	8	Tám	
956	162113026	Nguyễn Duy	Tân	K16TMT	10/02/1992	Gia Lai	V	Văng	
957	1817117112	Nguyễn Thanh	Tân	C18TCDB	03/01/1992	Đà Nẵng	9	Chín	
958	1827217525	Trần Hoài	Tân	D18QTHB5	26/02/1991	Đắk Lắk	8	Tám	
959	152216157	Nguyễn Đình	Tấn	K15XDD	13/02/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
960	1827247803	Nguyễn Xuân	Tấn	D18QNHb1	16/07/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
961	152222019	Đình Văn	Tăng	K15XDD	06/03/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
962	171216336	Đỗ Thanh	Tây	K17XCD	20/05/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
963	1827268305	Trần Tuấn	Tí	D18KDNB	17/03/1990	Quảng Bình	8	Tám	
964	1826268295	Đàm Thủy	Tiên	D18KDNB	04/05/1991	Bình Định	8	Tám	
965	162257056	Đặng Thị Cẩm	Tiên	K16KMT	23/09/1992	Quảng Nam	6	Sáu	
966	1826268086	Đoàn Châu Thủy	Tiên	D18KDNB	20/04/1991	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
967	1826247791	Nguyễn Hồ Khánh	Tiên	D18QNHb1	18/06/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
968	1827247877	Nguyễn Thanh	Tiên	D18QNHb2	01/08/1991	Gia Lai	7.5	Bảy phẩy Năm	
969	1826247839	Nguyễn Thị Xuân	Tiên	D18QNHb3	22/11/1990	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
970	152112440	Phạm Đăng	Tiên	K15TMT	10/09/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
971	162314723	Thủy	Tiên	K16KKT	02/01/1992	Quảng Nam	3.3	Ba phẩy Ba	
972	1827247875	Hồ Thành	Tiến	D18QNHb3	04/03/1991	Quảng Trị	3.5	Ba phẩy Năm	
973	1826217668	Lê Nguyễn Hoàng	Tiến	D18QTHb4	26/10/1988	Quảng Nam	8.3	Tám phẩy Ba	
974	1826247853	Nguyễn Thị	Tiến	D18QNHb1	06/08/1991	Quảng Nam	8	Tám	
975	1827258038	Nguyễn Văn	Tiến	D18KKTB	26/03/1989	Kon Tum	5.5	Năm phẩy Năm	
976	1827268215	Phạm Hữu	Tiến	D18KDNB	11/02/1991	Quảng Bình	6.5	Sáu phẩy Năm	
977	162163194	Trần Đình	Tiến	K16EVT	05/08/1992	Đà Nẵng	7	Bảy	
978	1826217511	Nguyễn Thị	Tín	D18QTHb1	25/11/1988		7.5	Bảy phẩy Năm	
979	162336648	Nguyễn Trung	Tín	K16EVT	25/07/1991	Quảng Nam	6.3	Sáu phẩy Ba	
980	1827217527	Trần Hồng	Tín	D18QTHb3	18/03/1988		7.3	Bảy phẩy Ba	
981	171195451	Trương Ngọc	Tín	K17ACD	02/01/1993	Quảng Nam	7	Bảy	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
982	1826268193	Phạm Thị	Tĩnh	D18KDNB	17/10/1991	Quảng Bình	8	Tám	
983	1826268095	Lê Thị Thúy	Tĩnh	D18KDNB	18/06/1984	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
984	1816217036	Nguyễn Thị Thanh	Tĩnh	C18KCDB	06/04/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
985	1827217617	Võ Quang	Tĩnh	D18QTHB2	24/06/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
986	1827257950	Lê Minh	Toàn	D18KKTB	05/11/1991	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
987	168212767	Nguyễn Đình	Toàn	T16XDDB	10/06/1986	Đắk Lak	5.5	Năm phẩy Năm	
988	1827257968	Nguyễn Ngọc	Toàn	D18KKTB	26/09/1991	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
989	1817117106	Nguyễn Thanh	Toàn	C18TCDB	16/06/1989	Đà Nẵng	8	Tám	
990	1827258017	Trần Bình	Toàn	D18KKTB	12/12/1990	Đăklăk	6.8	Sáu phẩy Tám	
991	152233014	Trần Phúc	Toàn	K15KTR4	01/01/1991	Quảng Nam	6	Sáu	
992	1826268522	Hồ Thị	Tơ	D18KDNB	06/07/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
993	1826268221	Ngô Thị	Tới	D18KDNB	20/10/1991	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
994	1827258005	Đông Anh	Tú	D18KKTB	13/12/1990	Nghệ An	6	Sáu	
995	1827127302	Nguyễn Phước	Tú	D18TPMB	15/06/1990	Quảng Trị	6.5	Sáu phẩy Năm	
996	161325780	Phạm Thanh	Tú	K16ECD	04/08/1992	Đà Nẵng	8	Tám	
997	162314754	Trần Đình Minh	Tú	K16QNH4	21/07/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
998	178212991	Đặng Văn	Tuấn	T17XDD	21/11/1986	Quảng Bình	6.8	Sáu phẩy Tám	
999	1827127272	Đình Hữu	Tuấn	D18TPMB	12/01/1987	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1000	178212992	Lê Công	Tuấn	T17XDD	20/12/1988	Quảng Nam	7	Bảy	
1001	162257426	Lê Hoàng Anh	Tuấn	K16KMT	28/10/1992	Quảng Bình	7	Bảy	
1002	1827127248	Lê Minh	Tuấn	D18TPMB	26/06/1990	Quảng Trị	5.5	Năm phẩy Năm	
1003	162524428	Lê Minh	Tuấn	K16PSU_QNH	18/04/1992	Quảng Trị	8	Tám	
1004	162163199	Ngô Anh	Tuấn	K16EVT	27/10/1992	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
1005	1827127267	Nguyễn Mạnh	Tuấn	D18TPMB	12/05/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
1006	1827258045	Nguyễn Minh	Tuấn	D18KKTB	20/10/1991	Quảng Bình	7	Bảy	
1007	152232981	Nguyễn Minh	Tuấn	K15KTR4	01/01/1991	Quảng Bình	6.5	Sáu phẩy Năm	
1008	1827247786	Nguyễn Thanh	Tuấn	D18QNHb1	22/04/1990		8	Tám	
1009	152212746	Nguyễn Thanh	Tuấn	K15XDD	17/02/1989	TT Hu ế	6	Sáu	
1010	1827117240	Nguyễn Văn	Tuấn	D18TMTB	27/08/1988	Thanh Hóa	7	Bảy	
1011	1827127257	Phạm Minh	Tuấn	D18TPMB	08/10/1990	Quảng Trị	7	Bảy	
1012	171136425	Phan Anh	Tuấn	K17CMU-TCD	12/04/1993	Quảng Nam	3.5	Ba phẩy Năm	32/45

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1013	152714476	Phan Minh	Tuấn	K16VQH	27/02/1991	Quảng Bình	8	Tám	
1014	1827127294	Phùng Phan	Tuấn	D18TPMB	29/03/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
1015	1827127260	Trần Anh	Tuấn	D18TPMB	11/05/1991	Quảng Bình	8	Tám	
1016	1827217650	Trần Thanh	Tuấn	D18QTHB5	08/08/1990	Đắk Lắk	6.5	Sáu phẩy Năm	
1017	1827217652	Trịnh Ngọc	Tuấn	D18QTHB5	23/05/1990	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1018	1827127259	Trương Anh	Tuấn	D18TMTB	04/09/1982	Đà Nẵng	8	Tám	
1019	1827117151	Vũ Trịnh Ngọc	Tuấn	D18TMTB	20/08/1990	Đà Nẵng	7	Bảy	
1020	1827268096	Nguyễn Trọng	Tuệ	D18KDNB	02/08/1990	Quảng Nam	8	Tám	
1021	178223027	Hoàng	Tùng	T17XDC	13/12/1982	Quảng Bình	7	Bảy	
1022	1827127279	Lê Khánh	Tùng	D18TPMB	26/11/1988	Quảng Trị	7	Bảy	
1023	162146665	Nguyễn Đức	Tùng	K16TTT	25/06/1990	Quảng Nam	8	Tám	
1024	122220438	Nguyễn Xuân	Tùng	K13XDC	10/10/1987	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
1025	171216381	Phạm Thanh	Tùng	K17XCD	01/08/1993	DakLak	7	Bảy	
1026	1827268165	Thái Lâm	Tùng	D18KDNB	01/01/1990	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
1027	1827217575	Trương Thanh	Tùng	D18QTHB2	24/01/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
1028	1826268329	Đặng Thị Khánh	Tuyền	D18KDNB	21/09/1990	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
1029	1826258072	Ngô Thị Ngọc	Tuyền	D18KDNB	16/03/1988	Đà Nẵng	7	Bảy	
1030	1826257986	Nguyễn Thanh	Tuyền	D18KKTb	14/04/1991	Bình Định	8	Tám	
1031	1826257985	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D18KKTb	26/03/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
1032	171213316	Nguyễn Đình	Tuyền	C17XCDB	01/01/1990	Quảng Nam	2.5	Hai phẩy Năm	
1033	1826268271	Phùng Thị	Tuyền	D18KDNB	14/09/1990	Gia Lai	8.3	Tám phẩy Ba	
1034	1826268365	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	D18KDNB	07/12/1989	Quảng Trị	8	Tám	
1035	1826257937	Nguyễn Thị	Tư	D18KKTb	05/02/1987	Đắk Lắk	9	Chín	
1036	161326864	Nguyễn Thành	Tường	K16KCD	19/04/1992	Quảng Trị	3	Ba	
1037	1826217595	Nguyễn Thị Kim	Tý	D18QTHB4	17/04/1990	Đà Nẵng	V	Vắng	
1038	1826127273	Hồ Thị Hồng	Thái	D18TPMB	05/05/1991	Quảng Nam	5.8	Năm phẩy Tám	
1039	161325644	Lê Hoàng	Thái	K16DCD	21/09/1992	Đà Nẵng	V	Vắng	
1040	152212636	Phạm Hồng	Thái	K15XDD	12/11/1990	Quảng Bình	7	Bảy	
1041	161325649	Hà Thị Hoài	Thanh	K16KMT	01/09/1992	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
1042	1826268316	Hoàng Thị Phương	Thanh	D18KDNB	30/10/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
1043	161157343	Nguyễn Kim	Thanh	K16ECD	03/06/1992	Đà Nẵng	2	Hai	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1044	1826268203	Nguyễn Thanh	Thanh	D18KDNB	05/05/1991	Đà Nẵng	9	Chín	
1045	1826217492	Nguyễn Thị	Thanh	D18QTHB1	20/04/1990	Nghệ An	9	Chín	
1046	1826268420	Phùng Th ị Hải	Thanh	D18KDNB	03/03/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
1047	169211555	Tô Hồng	Thanh	D17XDD	01/04/1987	Quảng Ngãi	8.5	Tám phẩy Năm	
1048	1826268122	Trần Thị Thanh	Thanh	D18KDNB	17/06/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1049	132134249	Dụng Phúc	Thành	K16EVT	29/08/1988	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
1050	162163190	Hoàng Ngọc	Thành	K16EVT	22/10/1992	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1051	1827247878	Huỳnh Lê	Thành	D18QNHBB3	08/10/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1052	152212682	Huỳnh Văn	Thành	K15XDD	11/08/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
1053	1827247756	Lê Hữu	Thành	D18QNHBB2	21/04/1991		8.5	Tám phẩy Năm	
1054	171578986	Mai Xuân	Thành	K17QCD8	20/05/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1055	1827117191	Nguyễn Đức	Thành	D18TMTB	24/07/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
1056	1827117226	Nguyễn Trường	Thành	D18TMTB	19/03/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
1057	168212043	Trần Tài	Thành	T16XDD	29/09/1982	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
1058	171216350	Trần Trung	Thành	K17XCD	25/03/1991	Quảng Bình	6	Sáu	
1059	1827257948	Vũ Danh	Thành	D18KKTBB	10/09/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1060	171136418	Lê Quang	Thạnh	K17CMU-TCD	31/07/1992	Lâm Đồng	7	Bảy	
1061	1827247876	Nguyễn Phú	Thạnh	D18QNHBB3	10/03/1990		5.5	Năm phẩy Năm	
1062	1826268270	Đặng Thị	Thảo	D18KDNB	15/04/1991	Hà Tĩnh	7.5	Bảy phẩy Năm	
1063	1826257916	Đặng Thị Phương	Thảo	D18KKTBB	01/06/1991	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
1064	1826268266	Hồ Thị Ngọc	Thảo	D18KDNB	20/09/1990	Quảng Nam	8	Tám	
1065	1826217580	Lê Thị Thanh	Thảo	D18QTHBB5	13/03/1990	Đà Nẵng	V	Vắng	
1066	171326102	Lê Thị Vy	Thảo	K17KCD	05/11/1993	Đắk Lắk	6	Sáu	
1067	1826268132	Lương Thị Minh	Thảo	D18KDNB	23/08/1982	Quảng Nam	7	Bảy	
1068	1826217485	Lưu Thạch	Thảo	D18QTHBB4	02/07/1991	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
1069	162715067	Nguyễn Thị	Thảo	K16VQH	20/10/1992	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
1070	1826268196	Nguyễn Thị Minh	Thảo	D18KDNB	07/07/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
1071	1816217068	Nguyễn Thị Phương	Thảo	C18KCDB	27/07/1991	Quảng Nam	6	Sáu	
1072	1826258003	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D18KKTBB	06/10/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
1073	1826268403	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	D18KDNB	08/06/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
1074	171575667	Nguyễn Thị Thu	Thảo	K17QCD2	21/06/1993	DakLak	6	Sáu	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1075	171326780	Nguyễn Thị Thu	Thảo	K17PSU-KCD	25/06/1993	Quảng Trị	6	Sáu	
1076	1826247755	Trần Hương	Thảo	D18QNH B2	17/09/1991	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
1077	171445140	Trần Thị Kim	Thảo	K17DCD	27/11/1993	Quảng Nam	6.3	Sáu phẩy Ba	
1078	1826268262	Trần Thị Thanh	Thảo	D18KDNB	17/12/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
1079	1826257909	Trần Thị Thu	Thảo	D18KKT B	10/12/1991	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
1080	1826268149	Trần Võ Phương	Thảo	D18KDNB	19/08/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
1081	1826217497	Trịnh Sử Phương	Thảo	D18QTH B2	27/04/1990	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
1082	1816217018	Trịnh Thị	Thảo	C18KCDB	02/01/1992	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1083	1826268412	Trương Sinh	Thảo	D18KDNB	12/12/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
1084	171326103	Trương Thị Thạch	Thảo	K17KCD	13/10/1993	Đà Nẵng	V	Vắng	
1085	1826257973	Vô Thị	Thảo	D18KKT B	29/01/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
1086	1826217459	Vũ Thị Thanh	Thảo	D18QTH B2	01/01/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
1087	1817117098	Nguyễn Đức	Thạo	C18TCDB	26/01/1991	Quảng Trị	6	Sáu	
1088	162163189	Bùi Ngô Anh	Thắng	K16EVT	27/03/1992	Đà Nẵng	7	Bảy	
1089	1827217699	Bùi Xuân	Thắng	D18QTH B4	15/06/1990	Huế	5.5	Năm phẩy Năm	
1090	162167422	Lê Văn	Thắng	K16EVT	04/05/1992	Quảng Nam	7	Bảy	
1091	1827247738	Nguyễn Ngọc	Thắng	D18QNH B3	12/07/1991	Bình Định	DC	Đình chỉ	
1092	132214556	Nguyễn Thọ	Thắng	K14XDD	08/02/1989	Hà Nội	6.8	Sáu phẩy Tám	
1093	1827217627	Nguyễn Văn Minh	Thắng	D18QTH B3	26/04/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
1094	1827268459	Phan Ngọc	Thắng	D18KKT B	20/05/1990	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1095	161446243	Phan Văn	Thắng	K16DCD	16/04/1991	Đà Nẵng	V	Vắng	
1096	162163188	Trần Nguyễn Phước	Thắng	K16EVT	01/09/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1097	1827217470	Trần Nhật	Thắng	D18QTH B5	01/04/1990	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
1098	152523743	Phạm Nguyễn Phước	Thắng	K16QNH1	28/02/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
1099	1827217590	Vô Văn	Thân	D18QTH B2	17/02/1990	Đắk Lắk	8	Tám	
1100	178212983	Ngô Văn	Thêm	T17XDD	10/06/1983	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
1101	1826247872	Đào Thị Tuấn	Thi	D18QNH B1	27/01/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
1102	1826268419	Huỳnh Thị Quỳnh	Thi	D18KDNB	17/08/1991	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
1103	1826268206	Mai Thị Anh	Thi	D18KDNB	16/10/1991	Gia Lai	8	Tám	
1104	162256878	Nguyễn Thị	Thi	K16KMT	06/08/1992	Quảng Nam	6.8	Sáu phẩy Tám	
1105	1827247836	Vô Văn	Thi	D18QNH B2	01/02/1991		7	Bảy	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1106	1826247793	Phạm Thị	Thiên	D18QNH3	19/03/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1107	152232916	Trần Trung	Thiên	K15KTR3	20/10/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1108	162113027	Lê Hữu	Thiện	K16TMT	12/03/1991	Đà Nẵng	V	Vắng	
1109	171213314	Phan Tư	Thiện	C17XCDB	19/01/1991	Đắk Lắk	1.5	Một phẩy Năm	
1110	1827117192	Nguyễn Gia	Thiều	D18TMTB	01/01/1990	Đà Nẵng	6.3	Sáu phẩy Ba	
1111	1827117221	Đinh Ngọc Phước	Thịnh	D18TMTB	15/10/1986	Đà Nẵng	7	Bảy	
1112	162163192	Lê Đức	Thịnh	K16EVT	29/09/1992	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
1113	1827257958	Nguyễn Minh	Thịnh	D18KKTB	10/04/1991	Quảng Nam	9	Chín	
1114	178212985	Phan Văn	Thịnh	T17XDD	06/02/1985	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
1115	1817217027	Trần Quốc	Thịnh	C18KCDB	25/06/1992	Gia Lai	2	Hai	
1116	162163191	Trương Văn	Thịnh	K16EVT	10/12/1992	Đà Nẵng	6	Sáu	
1117	171135822	Phan Anh	Thọ	K17QCD5	15/08/1992	Nghệ An	7	Bảy	
1118	1826268125	Huỳnh Thị Kim	Thoa	D18KDNB	20/08/1985	Đà Nẵng	6	Sáu	
1119	1826268098	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D18KDNB	07/04/1991	Quảng Trị	8	Tám	
1120	162257008	Trần Thị Hồng	Thoa	K16KMT	24/12/1992	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1121	1827268527	Nguyễn Trung	Thông	D18KDNB	28/10/1989	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
1122	171445151	Đinh Văn	Thống	K17DCD	30/01/1993	Đà Nẵng	3.5	Ba phẩy Năm	
1123	1826268438	Lê Anh	Thơ	D18KDNB	16/07/1990	Kon Tum	V	Vắng	
1124	1826268472	Phạm Hương	Thơ	D18KDNB	08/10/1989	Quảng Bình	6.5	Sáu phẩy Năm	
1125	1826268207	Đỗ Thị Xuân	Thu	D18KDNB	16/04/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
1126	1826268289	Đông Thị Hồng	Thu	D18KDNB	09/02/1991	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
1127	1826268115	Lê Thị Lệ	Thu	D18KDNB	18/11/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
1128	171216355	Nguyễn Thị	Thu	K17XCD	14/01/1993	Nghệ An	2	Hai	
1129	1826268501	Nguyễn Thị Hoài	Thu	D18KDNB	10/07/1991	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
1130	1826247884	Nguyễn Thị Khánh	Thu	D18QNH3	17/04/1990	Huế	8	Tám	
1131	1826268290	Nguyễn Thị Mộng	Thu	D18KDNB	01/06/1991	Gia Lai	8.5	Tám phẩy Năm	
1132	1826217566	Trần Thị	Thu	D18QTHB2	13/03/1991	Quảng Trị	8.5	Tám phẩy Năm	
1133	1826268281	Trần Thị	Thu	D18KDNB	01/06/1989	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
1134	1826268319	Cao Thị	Thuận	D18KDNB	16/07/1990	Quảng Nam	7	Bảy	
1135	152132546	Đinh Lê	Thuận	K16EVT	01/01/1991	Gia Lai	7.5	Bảy phẩy Năm	
1136	1826247766	Hoàng Thị	Thuận	D18QNH3	16/04/1990	Nghệ An	5.5	Năm phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1137	171136420	Ngô Quang	Thuận	K17CMU-TCD	01/01/1993	Quảng Bình	4	Bốn	
1138	1826268126	Phạm Thị	Thuận	D18KDNB	21/12/1991	Đà Nẵng	9	Chín	
1139	152353476	Trần Văn	Thuận	K16QTC1	30/12/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1140	1827117237	Nguyễn Văn	Thuật	D18TMTB	18/06/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
1141	162735076	Huỳnh Thị Thanh	Thùy	K16VQH	16/01/1992	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1142	162253666	Huỳnh Thị	Thùy	K16KMT	17/07/1991	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
1143	162737204	Phạm Thị	Thúy	K16VQH	17/06/1992	Vũng Tàu	8	Tám	
1144	1826268300	Lê Thị	Thùy	D18KDNB	21/01/1991	Quảng Nam	6	Sáu	
1145	1826247734	Đặng Thị Xuân	Thủy	D18QNH3	27/01/1990	Đà Nẵng	6.3	Sáu phẩy Ba	
1146	1826217517	Đoàn Thị Ngọc	Thủy	D18QTHB2	14/04/1989	Bình Thuận	V	Vắng	
1147	1826117143	Đoàn Thị Thu	Thủy	D18TPMB	01/01/1990	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1148	1826247814	Hồ Thị Thu	Thủy	D18QNH2	15/09/1990	Hà Tĩnh	8.5	Tám phẩy Năm	
1149	1826268417	Lê Thị Hồng	Thủy	D18KDNB	14/10/1990	Quảng Nam	8	Tám	
1150	152734519	Ngô Lê	Thủy	K16VQH	26/06/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1151	179123536	Nguyễn Thị	Thủy	D18TPMB	12/12/1989	Quảng Trị	7	Bảy	
1152	1826217667	Nguyễn Thị Thu	Thủy	D18QTHB5	10/08/1979	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1153	1826268272	Nguyễn Thị Thu	Thủy	D18KDNB	02/03/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
1154	179414770	Phạm Thị Thanh	Thủy	D18DLKB	15/02/1990	Đà Nẵng	7	Bảy	
1155	1826247750	Phan Thị Thu	Thủy	D18QNH2	01/05/1991	Quảng Nam	9	Chín	
1156	1816217001	Tô Thị Minh	Thủy	C18KCDB	01/01/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1157	1826247751	Thái Tĩnh	Thủy	D18QNH1	10/09/1991	Quảng Nam	6	Sáu	
1158	1826268521	Trương Thị Lệ	Thủy	D18KDNB	12/07/1991	Hà Tĩnh	8	Tám	
1159	1826268117	Bùi Thị	Thúy	D18KDNB	04/02/1986	Quảng Nam	7	Bảy	
1160	1826268124	Hoàng Thị Thanh	Thúy	D18KDNB	01/12/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
1161	1826247862	Lê Thị Bích	Thúy	D18QNH1	02/08/1991	Đắk Lắk	6	Sáu	
1162	1826268198	Nguyễn Thị Như	Thúy	D18KDNB	11/12/1990	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1163	171445159	Nguyễn Thị Thu	Thúy	K17DCD	18/02/1993	Quảng Nam	3.5	Ba phẩy Năm	
1164	1826268116	Phạm Thị Xuân	Thúy	D18KDNB	19/01/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
1165	1826268166	Trương Thị Diễm	Thúy	D18KDNB	19/09/1990	Quảng Nam	8	Tám	
1166	1826268442	Đỗ Anh	Thư	D18KDNB	23/03/1990	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1167	171575684	Huỳnh Thị Vân	Thư	K17QCD5	25/01/1993	Quảng Nam	8	Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1168	1826718626	Lê Thị Anh	Thư	D18DLKB	04/07/1990	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
1169	1826247768	Mai Thị Anh	Thư	D18QNH B2	30/04/1990	Quảng Nam	7	Bảy	
1170	1826268466	Nguyễn Minh	Thư	D18KDNB	19/10/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
1171	1816217029	Nguyễn Nữ Quỳnh	Thư	C18KCDB	05/10/1992	Quảng Nam	8	Tám	
1172	1826268425	Nguyễn Thị Anh	Thư	D18KDNB	03/04/1990	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1173	1826257944	Nguyễn Thị Quỳnh	Thư	D18KKT B	24/10/1991	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
1174	1826257913	Phạm Thị Hoàng	Thư	D18KDNB	18/04/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1175	1826258026	Phan Thị Anh	Thư	D18KKT B	22/12/1991	Quảng Nam	9	Chín	
1176	1826217490	Phan Thị Thanh	Thư	D18QTH B1	18/07/1991	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
1177	1826268286	Trịnh Thị Minh	Thư	D18KDNB	01/10/1989	Quảng Nam	8	Tám	
1178	1826268408	Võ Thị Anh	Thư	D18KDNB	09/05/1991	Quảng Trị	9	Chín	
1179	1826257972	Nguyễn Thị	Thư	D18KKT B	06/02/1990	Quảng Nam	8	Tám	
1180	178223017	Nguyễn Văn	Thức	T17XDC	03/05/1985	Hà Tĩnh	8.5	Tám phẩy Năm	
1181	1826268431	Lương Thị	Thương	D18KDNB	13/07/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
1182	1826112088	Nguyễn Thị Mỹ	Thương	D18TMT	03/12/1990	Quảng Trị	7	Bảy	
1183	1826217702	Nguyễn Thị Thu	Thương	D18QTH B2	03/10/1990	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
1184	1826268533	Phan Thị Hoài	Thương	D18KDNB	08/06/1991	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
1185	1827217643	Lê Văn	Thường	D18QTH B4	10/03/1990	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
1186	162524390	Lê Văn Hoàng	Thy	K16QNH1	27/07/1992	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
1187	1826217567	Vũ Thị Phương	Thy	D18QTH B4	11/05/1991	Quảng Nam	6.8	Sáu phẩy Tám	
1188	1826718586	Nguyễn Lê Thanh	Trà	D18DLKB	29/08/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
1189	1826268505	Bùi Thị Thùy	Trang	D18KDNB	06/09/1988	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1190	1826268529	Cao Thị Huyền	Trang	D18KDNB	10/02/1991	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
1191	1826217677	Cao Thị Quỳnh	Trang	D18QTH B2	14/10/1990	Bình Định	6.5	Sáu phẩy Năm	
1192	1816217079	Đinh Lê Thanh Thùy	Trang	C18KCDB	16/09/1991	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
1193	1826257912	Đinh Lê Thị Xuân	Trang	D18KKT B	14/06/1990	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1194	1826247731	Đinh Thị Hiền	Trang	D18QNH B1	08/12/1991	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
1195	1816217054	Đoàn Phan Khánh	Trang	C18KCDB	13/08/1992	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
1196	171575710	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	K17QCD6	25/09/1993	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
1197	1826257962	Đỗ Thị Thu	Trang	D18KKT B	27/01/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1198	1826268183	Hà Nữ Thu	Trang	D18KDNB	17/10/1991	Quảng Bình	8.5	Tám phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1199	1826268449	Hoàng Thị Huyền Trang	D18KDNB	20/04/1990	Đà Nẵng	6.3	Sáu phẩy Ba	
1200	1826217506	Hoàng Thị Kim Trang	D18QTHB2	09/09/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1201	171326787	Hồ Thị Huyền Trang	K17PSU-KCD	04/11/1993	Kon Tum	5.5	Năm phẩy Năm	
1202	1826268393	Lê Thị Trang	D18KDNB	21/07/1989	Thanh Hóa	8	Tám	
1203	179523771	Lê Thị Trang	D17QNHBB1	17/10/1989	Thanh Hóa	7	Bảy	
1204	1826268409	Lê Thị Thanh Trang	D18KDNB	07/06/1990	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1205	1826258020	Lê Thị Xuân Trang	D18KKTBB	06/06/1989	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1206	1826268093	Lê Thùy Trang	D18KDNB	12/09/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
1207	1826268102	Lê Thùy Trang	D18KDNB	14/08/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1208	1826247821	Mai Thị Thùy Trang	D18QNHBB2	28/01/1991	Quảng Trị	8.5	Tám phẩy Năm	
1209	1826258034	Nguyễn Huyền Trang	D18KKTBB	16/03/1992	Nghệ An	8.5	Tám phẩy Năm	
1210	1826268394	Nguyễn Thị Trang	D18KKTBB	24/03/1991	Nghệ An	8	Tám	
1211	171575718	Nguyễn Thị Trang	K17QCD2	07/09/1993	Nam Định	5.5	Năm phẩy Năm	
1212	1826247744	Nguyễn Thị Diệu Trang	D18QNHBB3	14/07/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1213	1826718604	Nguyễn Thị Đoan Trang	D18DLKBB	07/08/1990	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
1214	1826268383	Nguyễn Thị Huyền Trang	D18KDNB	10/02/1992	Đà Nẵng	8	Tám	
1215	1826268410	Nguyễn Thị Mỹ Trang	D18KDNB	10/01/1989	Bình Định	9	Chín	
1216	1826217553	Nguyễn Thị Ngọc Trang	D18QTHBB1	12/09/1990	Kon Tum	7.5	Bảy phẩy Năm	
1217	1826268513	Nguyễn Thị Phương Trang	D18KDNB	21/06/1991	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
1218	171575714	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	K17QCD6	19/08/1992	Quảng Ngãi	3	Ba	
1219	1826217551	Nguyễn Thị Thùy Trang	D18QTHBB3	20/03/1991	Quảng Nam	5.8	Năm phẩy Tám	
1220	1826217620	Nguyễn Thị Thùy Trang	D18QTHBB2	23/10/1990	Đà Nẵng	7	Bảy	
1221	1826268160	Nguyễn Thị Xuân Trang	D18KDNB	15/03/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
1222	1826718581	Nguyễn Trần Minh Trang	D18DLKBB	10/03/1991	Đà Nẵng	6.3	Sáu phẩy Ba	
1223	1826268502	Phạm Thị Huyền Trang	D18KDNB	18/01/1990	Quảng Bình	3.5	Ba phẩy Năm	
1224	1826257993	Phạm Thị Thi ên Trang	D18KKTBB	04/06/1991	Quảng Nam	8	Tám	
1225	1826268353	Phạm Thị Thu Trang	D18KDNB	01/02/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
1226	1826268130	Tô Th ị Thu Trang	D18KDNB	22/12/1990	Gia Lai	8	Tám	
1227	1826247813	Trần Ngọc Đoan Trang	D18QNHBB1	19/08/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
1228	171326788	Trần Thị Khánh Trang	K17KCD	03/10/1993	Quảng Bình	3	Ba	
1229	1826268433	Trần Thị Minh Trang	D18KDNB	27/02/1990	Quảng Ngãi	8	Tám	
1230	1826257988	Trần Thị Thi ên Trang	D18KKTBB	28/05/1991	Gia Lai	7	Bảy	
1231	1826127275	Trần Thị Thùy Trang	D18TPMB	25/12/1985	00/01/1900	3.5	Ba phẩy Năm	
1232	1826247747	Vô Thị Minh Trang	D18QNHBB1	10/10/1990	Quảng Nam	8	Tám	39/45

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1233	1826247746	Võ Thị Thùy	Trang	D18QNBH3	12/08/1991	Đăk Lăk	8	Tám	
1234	1826217539	Vũ Thị Huyền	Trang	D18QTHB1	14/09/1990	Đà Nẵng	DC	Đình chỉ	
1235	178223018	Nguyễn Hồng	Tráng	T17XDC	19/07/1986	Nghệ An	8.3	Tám phẩy Ba	
1236	1826268418	Bùi Thị Khánh	Trâm	D18KDNB	17/10/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
1237	171445172	Đặng Thị Bích	Trâm	K17DCD	26/03/1993	Quảng Nam	1.5	Một phẩy Năm	
1238	1826268318	Đỗ Thị Bích	Trâm	D18KDNB	06/03/1991	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
1239	1826718582	Huỳnh Thị Minh	Trâm	D18DLKB	05/07/1990	Quảng Nam	6	Sáu	
1240	1826247829	Lê Thị Bích	Trâm	D18QNBH2	10/09/1991	Quảng Trị	6.3	Sáu phẩy Ba	
1241	1826268325	Lê Thị Ngọc	Trâm	D18KDNB	05/01/1991	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
1242	1826268539	Nguy Thị Bích	Trâm	D18KDNB	16/09/1990	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
1243	1826268253	Nguyễn Thị	Trâm	D18KDNB	20/11/1991	Đà Nẵng	V	Vắng	
1244	1826257938	Nguyễn Thị Bích	Trâm	D18KKTb	14/03/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
1245	1826268532	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	D18KDNB	13/09/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
1246	1826268137	Phạm Thị Ngọc	Trâm	D18KDNB	09/08/1989	Đà Nẵng	7	Bảy	
1247	1826268162	Phạm Thị Ngọc	Trâm	D18KDNB	27/06/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
1248	1826268468	Tôn Nữ Diệu	Trâm	D18KDNB	04/11/1990	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1249	1826257994	Trần Thị	Trâm	D18KKTb	07/08/1989	Quảng Bình	8	Tám	
1250	1826247729	Vũ Thị Minh	Trâm	D18QNBH2	01/09/1991	Quảng Ngãi	8.5	Tám phẩy Năm	
1251	1826247774	Vương Thùy	Trâm	D18QNBH3	03/05/1991	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
1252	1827112036	Hồ Ngọc	Trí	D18TMT	09/06/1989	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1253	142231447	Nguyễn Ngọc	Trí	K15KTR5	09/09/1989	Quảng Nam	6	Sáu	
1254	1827127265	Nguyễn Viết	Trí	D18TPMB	18/06/1990	Quảng Nam	6	Sáu	
1255	152333155	Vũ Ngọc Minh	Trí	K16QTM1	03/10/1991	Đà Nẵng	V	Vắng	
1256	1826258052	Phạm Thị	Triêm	D18KKTb	25/07/1990	Quảng Ngãi	8	Tám	
1257	1827127280	Nguyễn Thẩm Minh	Triết	D18TPMB	20/06/1991	TT Huế	6.5	Sáu phẩy Năm	
1258	171155232	Trương Văn	Triều	K17ECD	17/08/1993	Quảng Bình	9	Chín	
1259	1826258061	Văn Thị	Triều	D18KKTb	20/11/1990	Bình Định	7.3	Bảy phẩy Ba	
1260	171576653	Nguyễn Hữu	Triệu	K17PSU-QCD	21/06/1993	Đà Nẵng	8	Tám	
1261	1826718602	Bùi Thị Kiều	Trinh	D18DLKB	05/01/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
1262	161446306	Hồ Thị Thùy	Trinh	K17DCD	27/02/1992	Đà Nẵng	6	Sáu	
1263	171445184	Lê Thị Tuyết	Trinh	K17DCD	29/01/1993	Đà Nẵng	6	Sáu	
1264	1826257983	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	D18KKTb	05/07/1991	Quảng Nam	8	Tám	
1265	1826268324	Nguyễn Phạm Duy	Trinh	D18KDNB	19/07/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1266	1826127266	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	D18TPMB	10/10/1990	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	40/45

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1267	1826258028	Thái Thị Phương	Trình	D18KKTB	08/09/1991	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
1268	1827258009	Phạm Như	Trình	D18KKTB	09/03/1990	Quảng Bình	7	Bảy	
1269	1827117180	Lê Quốc	Trọng	D18TMTB	23/01/1989	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
1270	1827268503	Nguyễn	Trọng	D18KDNB	01/07/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
1271	1826268448	Đỗ Thị Thanh	Trúc	D18KDNB	14/03/1991	Kon Tum	7	Bảy	
1272	152212651	Lê Kỳ	Trung	K15XDD	09/03/1990	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
1273	168222119	Nguyễn Quang	Trung	T16XDC	18/04/1981	Quảng Ngãi	5.5	Năm phẩy Năm	
1274	178223021	Nguyễn Thành	Trung	T17XDC	18/03/1987	Quảng Ngãi	7	Bảy	
1275	1827117170	Nguyễn Thế	Trung	D18TMTB	16/10/1990	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
1276	1827268484	Nguyễn Tri	Trung	D18KDNB	13/08/1990	Đà Nẵng	9	Chín	
1277	1827127312	Nguyễn Văn	Trung	D18TPMB	01/01/1991	Quảng Nam	2	Hai	
1278	152222793	Phạm Mai	Trung	K15XDC	27/02/1991	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
1279	161215198	Phạm Trần Xuân	Trung	K16XCD	29/05/1992	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1280	179333639	Thái Thành	Trung	D17QTHB1	02/01/1990	Quảng Ngãi	V	Vắng	
1281	171135832	Trần Đắc	Trung	K17TCD	01/01/1992	Quảng Nam	9	Chín	
1282	142733120	Trần Đăng	Trung	K16VQH	01/01/1986	Quảng Nam	6.3	Sáu phẩy Ba	
1283	1827268127	Nguyễn Công	Trường	D18KDNB	20/11/1990	Quảng Nam	9	Chín	
1284	171135836	Nguyễn Công	Trường	K17TCD	05/02/1993	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
1285	162257092	Nguyễn Nhật	Trường	K16KMT	08/07/1992	Quảng Nam	6	Sáu	
1286	168222121	Nguyễn Tấn	Trường	T16XDC	20/08/1988	Bình Định	7	Bảy	
1287	171575729	Trần Phi	Trường	K17QCD2	24/03/1993	Gia Lai	9	Chín	
1288	1827117235	Vô Quốc	Trường	D18TMTB	22/09/1981	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
1289	171213343	Đinh Xuân	Trường	C17XCDB	25/11/1989	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1290	1826268500	Lê Thị	Út	D18KDNB	25/12/1987	Thanh Hóa	8	Tám	
1291	1826268346	Hồ Thị	Uyên	D18KDNB	12/10/1988	Quảng Trị	8	Tám	
1292	162413961	Huỳnh Phương	Uyên	K16DLK	29/10/1992	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
1293	171443430	Ngô Minh Mỹ	Uyên	C17DCDB	26/03/1991	Đà Nẵng	4	Bốn	
1294	1826268368	Nguyễn Ngọc Thảo	Uyên	D18KDNB	08/07/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
1295	1826268307	Nguyễn Thảo	Uyên	D18KDNB	09/08/1990	Quảng Nam	8	Tám	
1296	1826718583	Trần Thị Thảo	Uyên	D18DLKB	11/12/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
1297	162257499	Vô Thị Hoài	Uyên	K16KMT	13/02/1992	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1298	1816217039	Đặng Thị Hải	Vân	C18KCDB	29/09/1991	Thái Bình	1.5	Một phẩy Năm	
1299	1826217541	Đỗ Hạ	Vân	D18QTHB2	25/08/1990	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
1300	1826268241	Hồ Thị Khánh	Vân	D18KDNB	26/08/1991	Quảng Trị	8	Tám	
1301	1826268210	Huỳnh Thị Thúy	Vân	D18KDNB	11/03/1990	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
1302	1826247742	Lê Thị	Vân	D18QNHBB3	25/12/1991	Quảng Nam	8	Tám	
1303	1826217681	Lê Thị Bích	Vân	D18QTHB5	03/04/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
1304	1826217481	Lê Thị Khánh	Vân	D18QTHB5	10/10/1990		DC	Đình chỉ	
1305	1826217608	Nguyễn Lê Hạnh	Vân	D18QTHB5	10/04/1991	Quảng Nam	5.8	Năm phẩy Tám	
1306	1826258027	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	D18KDNB	24/10/1991	Bình Định	7.5	Bảy phẩy Năm	
1307	1826247831	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	D18QNHBB2	01/01/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
1308	162736815	Tôn Cấm	Vân	K16VQH	14/06/1991	Hà Tĩnh	7.5	Bảy phẩy Năm	
1309	1826268188	Trần Thị Hồng	Vân	D18KDNB	11/02/1991	Quảng Bình	8.5	Tám phẩy Năm	
1310	162143145	Võ Thị ái	Vân	K16KMT	07/01/1991	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
1311	1826268152	Lê Thị Tường	Vi	D18KDNB	25/04/1990	Quảng Nam	7	Bảy	
1312	1826257949	Lê Trần Hạ	Vi	D18KKTBB	01/08/1990	Quảng Nam	6	Sáu	
1313	1826268197	Nguyễn Thị	Vi	D18KDNB	29/04/1990	Đắk Lắk	8	Tám	
1314	1826217628	Trương Thị	Vi	D18QTHBB3	14/10/1991	Quảng Nam	8	Tám	
1315	1826268338	Văn Thị Tường	Vi	D18KDNB	07/03/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1316	1826268565	Lê Thị Thảo	Viên	D18KDNB	01/04/1991	Gia Lai	7.5	Bảy phẩy Năm	
1317	1826268309	Lê Thị Thục	Viên	D18KDNB	01/02/1990	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1318	171155212	Nguyễn Thành	Viên	K17ECD	13/03/1993	Quảng Nam	9	Chín	
1319	171575750	Trương Thanh	Viên	K17QCD7	19/06/1993	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1320	162163201	Tăng Tấn	Viên	K16EVT	24/10/1992	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
1321	1827217582	Bùi Phước	Việt	D18QTHBB1	06/05/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1322	1827117198	Hoàng Quốc	Việt	D18TMTBB	21/06/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1323	168222128	Hồ Phước	Việt	T16XDC	10/11/1986	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1324	1827127270	Huỳnh Quốc	Việt	D18TPMB	14/11/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1325	161157251	Huỳnh Tiến	Việt	K16ECD	16/06/1992	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1326	1827127300	Hứa Văn	Việt	D18TPMB	20/12/1988	Quảng Nam	8	Tám	
1327	178223028	Lê Đức	Việt	T17XDC	20/03/1988	Quảng Trị	9	Chín	
1328	1827247861	Lê Vũ Bảo	Việt	D18QNHBB2	22/04/1988	Gia Lai	6	Sáu	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1329	1827247828	Đặng Cao	Vinh	D18QNHB3	14/07/1990	Huế	7.3	Bảy phẩy Ba	
1330	132224768	Huỳnh Anh	Vinh	K13XDC	12/11/1988	Quảng Ngãi	3	Ba	
1331	1827127283	Lý	Vinh	D18TPMB	10/02/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
1332	1827217568	Nguy Hoàng Trường	Vinh	D18QTHB4	30/01/1990	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
1333	1827217532	Nguyễn	Vinh	D18QTHB2	18/04/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1334	171216386	Nguyễn	Vinh	K17XCD	02/04/1993	Quảng Nam	4	Bốn	
1335	1827127310	Nguyễn Đức	Vinh	D18TPMB	10/01/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
1336	171326742	Nguyễn Quang	Vinh	K17PSU-KCD	19/07/1993	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1337	1827127264	Trần Quang	Vinh	D18TPMB	14/11/1991	Đà Nẵng	3.8	Ba phẩy Tám	
1338	171265414	Trần Thế	Vinh	K17YCD	23/11/1993	Quảng Bình	3	Ba	
1339	1827217664	Nguyễn Quang	Vinh	D18QTHB4	05/10/1990	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1340	1826247752	Nguyễn Ngân	Vinh	D18QNHB2	02/06/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1341	171136426	Nguyễn Quang	Vinh	K17CMU-TCD	07/09/1993	Đà Nẵng	6	Sáu	
1342	162163203	Đoàn Quang	Vũ	K16EVT	08/11/1992	TT Huế	8	Tám	
1343	171578768	Hoàng Quang	Vũ	K17QCD8	01/05/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1344	1827258036	Hoàng Thanh	Vũ	D18KKTB	12/01/1991	Quảng Trị	6.3	Sáu phẩy Ba	
1345	152115504	Hoàng Thanh	Vũ	K16TMT	30/04/1991	Quảng Trị	6.5	Sáu phẩy Năm	
1346	152212655	Hồ Hoàng	Vũ	K15XDD	11/07/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
1347	168222131	Lê Công	Vũ	T16XDC	17/03/1987	Quảng Nam	3	Ba	
1348	171575753	Lê Quang	Vũ	K17QCD8	14/05/1992	Quảng Bình	7	Bảy	
1349	152212695	Lê Thiên	Vũ	K15XDD	16/01/1991	Quảng Trị	7.5	Bảy phẩy Năm	
1350	162736555	Nguyễn Đặng	Vũ	K16VQH	24/04/1991	Quảng Bình	7	Bảy	
1351	1827268424	Nguyễn Hoàng	Vũ	D18KDNB	10/04/1990	Quảng Ngãi	8	Tám	
1352	168111978	Nguyễn Ngọc Long	Vũ	T16TMT	24/09/1988	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
1353	1827268526	Nguyễn Tuấn	Vũ	D18KDNB	20/02/1990	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
1354	171136427	Nguyễn Trần Nhật	Vũ	K17CMU-TCD	25/05/1993	Quảng Nam	6	Sáu	
1355	161326822	Nguyễn Văn Thiện	Vũ	K16KCD	16/10/1992	Đà Nẵng	3	Ba	
1356	171446739	Phạm Đình Hoàng	Vũ	K17PSU-DCD	17/03/1993	Đà Nẵng	7	Bảy	
1357	1827258029	Trần Nhật	Vũ	D18KKTB	28/10/1991	Quảng Bình	8.5	Tám phẩy Năm	
1358	1826268514	Ngô Thị	Vui	D18KDNB	06/03/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
1359	1826258065	Nguyễn Thị Hồng	Vuông	D18KKTB	24/04/1991	Bình Định	7	Bảy	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1360	152210186	Đoàn Việt	Vương	T16XDD	01/01/1985	Quảng Trị	8.5	Tám phẩy Năm	
1361	178212995	Lê Hồng	Vương	T17XDD	28/01/1987	Quảng Nam	8	Tám	
1362	171135850	Nguyễn Văn	Vương	K17TCD	27/04/1993	Quảng Ngãi	5.5	Năm phẩy Năm	
1363	162147281	Văn Công	Vương	K16TTT	18/11/1991	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
1364	1826258018	Cao Trường	Vy	D18KKTB	28/02/1990	Đà Nẵng	6.8	Sáu phẩy Tám	
1365	161446331	Hoàng Thị Kiều	Vy	K16VQH	26/04/1992	Quảng Trị	8	Tám	
1366	1826257996	Lữ Mạch Huyền	Vy	D18KKTB	29/03/1990	Ninh Thuận	8.5	Tám phẩy Năm	
1367	1826268298	Nguyễn Thị Uyên	Vy	D18KDNB	02/11/1990	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
1368	1826217709	Nguyễn Vũ Đan	Vy	D18QTHB3	08/08/1990	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
1369	1826258021	Phạm Thúy	Vy	D18KKTB	10/11/1991	Đăklăk	7	Bảy	
1370	1826268328	Trần Thị Ái	Vy	D18KDNB	19/09/1990	Quảng Nam	6	Sáu	
1371	1826217472	Trương Thị Thùy	Vy	D18QTHB2	09/04/1990	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
1372	1827217482	Phạm Minh	Xiêm	D18QTHB5	06/07/1990	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
1373	1826268335	Hà Thị	Xuân	D18KDNB	11/02/1990	Quảng Nam	7	Bảy	
1374	1827247823	Kpă Y	Xuân	D18QNHBB	25/05/1990	Đăk Lăk	7.5	Bảy phẩy Năm	
1375	1826268277	Ngô Võ Thúy	Xuân	D18KDNB	08/08/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
1376	1826268399	Nguyễn Thị Thùy	Xuân	D18KDNB	04/04/1991	Quảng Trị	7.5	Bảy phẩy Năm	
1377	1826268336	Võ Thị	Xuân	D18KDNB	11/09/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
1378	1826217502	Võ Thị Đồng	Xuân	D18QTHB2	18/02/1991	Đà Nẵng	6.8	Sáu phẩy Tám	
1379	1826257934	Võ Thị Thanh	Xuân	D18KDNB	29/07/1991	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
1380	1827217499	Vương Anh	Xuân	D18QTHB1	09/01/1991	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
1381	152232991	Huỳnh Rô	Y	K15KTR4	21/08/1989	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
1382	1827268141	Bùi Vũ	Ý	D18KDNB	15/12/1989	Quảng Nam	8	Tám	
1383	161446337	Trần Lê Thanh	Yên	K17DCD	20/10/1991	Quảng Nam	6.3	Sáu phẩy Ba	
1384	1826257932	Võ Hà	Yên	D18KDNB	27/10/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
1385	1826247745	Bạch	Yến	D18QNHBB	07/09/1988	Kon Tum	5.5	Năm phẩy Năm	
1386	162253669	Bùi Thị Hải	Yến	K16KMT	20/03/1992	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
1387	179414760	Hoàng Thị Ngọc	Yến	D17DLKB	23/06/1990	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
1388	1826127304	Hồ Thị Ngọc	Yến	D18TPMB	08/02/1979	Đà Nẵng	6	Sáu	
1389	1826247834	Huỳnh Trần Hoàng	Yến	D18QNHBB	26/11/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
1390	1826247841	Lê Thị Hải	Yến	D18QNHBB	10/06/1990	Quảng Trị	6.5	Sáu phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 21/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1391	1816217023	Lê Thị Hồng Yến	C18KCDB	22/06/1991	Đà Nẵng	2	Hai	
1392	1826718600	Nguyễn Thị Hồng Yến	D18DLKB	09/02/1991	Quảng Ngãi	7	Bảy	
1393	1826268334	Phạm Thị Yến	D18KDNB	27/02/1990	Gia Lai	7.8	Bảy phẩy Tám	
1394	1826718599	Phan Thị Hoàng Yến	D18DLKB	27/06/1990	Đà Nẵng	7	Bảy	
1395	1826258035	Trương Thị Hải Yến	D18KKTB	11/02/1990	Hà Tĩnh	7.3	Bảy phẩy Ba	